

VIỆT NAM - BỈ**BỘ NGOẠI GIAO****Số: 18/2005/LPQT***Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2005*

Hiệp định cụ thể giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ về Dự án “Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam” có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2004./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Phó Vụ trưởng***Nguyễn Hoàng Anh**

HIỆP ĐỊNH cụ thể giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ về Dự án “Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi tắt là “Việt Nam”, và Chính phủ Vương quốc Bỉ sau đây gọi tắt là “Vương quốc Bỉ”

Cả hai được gọi tắt là “các Bên”,

Theo “Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế, Công nghiệp và Kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ” ký tại Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm 1977;

Theo Hiệp định cụ thể giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ về “Xóa nợ nước ngoài cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với Vương quốc Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam”, ký kết ngày 07 tháng 12 năm 2000;

Theo Biên bản đã được nhất trí tại Cuộc họp Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác Phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Bỉ diễn ra tại Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 2003;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Đối tượng của Hiệp định này

Hiệp định cụ thể này xác định những cam kết về mặt thể chế, hành chính và ngân sách được hai Bên nhất trí trong việc thực hiện dự án “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”, sau đây gọi tắt là “Dự án”.

Mục tiêu tổng quát của dự án là nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể là nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Dự án này được mô tả đầy đủ trong Hồ sơ Kỹ thuật và Tài chính, sau đây gọi tắt là HSKT&TC, được đính kèm theo đây và là một phần không tách rời của Hiệp định cụ thể này.

Điều 2. Trách nhiệm của các Bên

2.1. Việt Nam chỉ định:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát chung việc thực hiện Hiệp định này;

- Bộ Tài chính là đơn vị chịu trách nhiệm đóng góp tài chính cho dự án từ Quỹ Vốn Đối ứng;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo sau đây gọi tắt là BGD&ĐT, là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi dự án.

2.2. Vương quốc Bỉ chỉ định:

- Tổng Vụ Hợp tác Phát triển trực thuộc Bộ Ngoại giao, Ngoại Thương và Hợp tác Phát triển Liên bang, sau đây gọi tắt là "DGDC" là cơ quan chịu trách nhiệm đóng góp phần tài chính của Bỉ cho dự án; DGDC có đại diện tại Việt Nam là Đại sứ quán Bỉ tại Hà Nội;

- Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ, sau đây gọi tắt là "BTC", là đơn vị điều hành chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi dự án; BTC có đại diện tại Việt Nam là Trưởng Đại diện tại Hà Nội.

Điều 3. Chi phí của dự án và các nguồn tài chính

Tổng chi phí của dự án dự kiến là 5.200.000 Euro.

Vương quốc Bỉ nhận đóng góp vào dự án một khoản viện trợ tối đa là 4 triệu Euro (4.000.000 Euro).

Một khoản đóng góp tám trăm bốn mươi ngàn Euro (840.000 Euro) sẽ được trích từ Quỹ Đối ứng được thành lập theo Hiệp định cụ thể về "Xóa nợ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với Vương quốc Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam", đã ký ngày 07 tháng 12 năm 2000.

Việt Nam nhận đóng góp vào dự án số tiền dự kiến tương đương ba trăm sáu mươi ngàn Euro (360.000 Euro).

Điều 4. Các khoản đóng góp và nghĩa vụ của Việt Nam

Việt Nam sẽ áp dụng các biện pháp thể chế, hành chính và ngân sách cần thiết để thực hiện dự án như được xác định trong Hiệp định này và trong HSKT&TC đính kèm theo. Việt Nam sẽ:

- Cho phép tiếp cận đối với tất cả các tài liệu liên quan cần thiết cho việc điều hành hoạt động của dự án;

- Cho phép Ban Quản lý Dự án được đề cập ở Điều 6 dưới đây mở các tài khoản cần thiết về ngoại tệ chuyển đổi tại ngân hàng;

- Miễn trừ thuế hải quan và các loại thuế khác cho tất cả các hàng hóa và thiết bị của dự án;

- Đảm bảo các tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách sẽ được dành cho dự án, gồm cả xe ô tô sử dụng cho dự án và thực hiện việc sử dụng và bảo dưỡng phù hợp các tài sản này;

- Thực hiện miễn trừ và ưu đãi đối với các chuyên gia dự án nước ngoài như được mô tả trong Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/10/1998 về quy chế đối với các chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình hoặc/và dự án ODA tại Việt Nam;

- Hỗ trợ các chuyên gia quốc tế và gia đình họ (nếu cần thiết và khi nào phù hợp) được cấp thị thực và những giấy tờ theo quy định khác miễn phí trong thời gian làm việc tại Việt Nam;

- Miễn trừ cho các chuyên gia quốc tế và gia đình họ không phải đóng thuế thu nhập trong nước đối với các hoạt động của dự án và chi trả thuế hải quan và các loại thuế khác đối với các đồ dùng cá nhân và xe ô tô trong điều kiện những tài sản này được nhập khẩu trong vòng sáu tháng kể từ khi chuyên gia cùng gia đình đến Việt Nam và phù hợp với Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998. Những đồ dùng cá nhân và xe ô tô này có thể được tái xuất hoặc bán, miễn thuế cho một người khác có cùng đặc quyền trên. Nếu những tài sản này được bán trên thị trường tự do, thì sẽ phải đóng thuế hải quan và các loại thuế khác trên giá trị được đánh giá tại thời điểm bán theo như quy định của Việt Nam;

- Cung cấp tất cả những hỗ trợ thông thường cho các chuyên gia quốc tế giúp họ hoàn thành nhiệm vụ của mình phù hợp với việc điều hành dự án;

- Cho phép và tạo điều kiện hình thành và phát huy chức năng của “Ban điều phối dự án”;

- Bổ nhiệm, với sự nhất trí của Trưởng Đại diện Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ, một chuyên gia của Việt Nam làm việc toàn bộ thời gian cho dự án, làm Đồng Giám đốc dự án;

- Chỉ định các cán bộ Việt Nam có năng lực vào các vị trí như được mô tả trong HSKT&TC;

- Trả lương cho các cán bộ dự án người Việt Nam;

- Cung cấp văn phòng làm việc phù hợp được trang bị các đồ đạc và thiết bị phù hợp;

- Đóng góp chi phí hoạt động của dự án như được mô tả trong HSKT&TC.

Điều 5. Các khoản đóng góp và nghĩa vụ của Bỉ

Bỉ sẽ đóng góp vào việc thực hiện dự án thông qua cung cấp đầu vào được nêu chi tiết trong HSKT&TC. Do đó BTC sẽ:

- Tuyển dụng và bổ nhiệm, với sự nhất trí của Bộ GD&ĐT, một chuyên gia quốc tế làm việc toàn bộ thời gian cho dự án là Trưởng Cố vấn Kỹ thuật quốc tế;

- Trả lương, bảo hiểm xã hội, chi phí đi lại và nhà ở cho Trưởng Cố vấn Kỹ thuật quốc tế và các thành viên trong gia đình của chuyên gia này;

- Trả công tác phí cho các cán bộ dự án, bao gồm cả tiền ở, phù hợp với quy định của BTC;

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn những khi cần thiết cho các nhiệm vụ và hoạt động đặc biệt và cụ thể của dự án;

- Trả phụ cấp cho các cán bộ dự án được chọn của Việt Nam giới hạn trong việc áp dụng hướng dẫn của Liên minh Châu Âu đối với việc chi tiêu tại địa phương trong chương trình hợp tác phát triển với Việt Nam;

- Cung cấp thiết bị văn phòng theo như kế hoạch của HSKT&TC;

- Trả chi phí cho các chương trình đào tạo và tham quan học tập.

Điều 6. Quản lý, điều hành và giám sát dự án

6.1. Việc quản lý về mặt kỹ thuật, hành chính và tài chính đối với dự án sẽ được Ban Quản lý Dự án thực hiện, do Giám đốc dự án người Việt Nam và Trưởng Cố vấn Kỹ thuật quốc tế đồng chỉ đạo. Cả hai sẽ chịu trách nhiệm về việc chi tiêu ngân sách của dự án và sẽ cùng xác nhận vào tất cả các giấy tờ kế toán của dự án. Thành phần và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án được mô tả chi tiết hơn trong HSKT&TC.

6.2. Một Ban Điều hành Dự án sẽ được thành lập với thành phần, nhiệm vụ, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức nội bộ như được xác định trong HSKT&TC.

6.3. Dự án sẽ được giám sát, đánh giá và tổng kết như được xác định trong HSKT&TC.

Điều 7. Tài sản các thành quả của dự án; thông tin chung

Tất cả các tài liệu và số liệu có được từ các hoạt động của dự án là tài sản của cả hai chính phủ và sẽ ghi rõ nguồn gốc của cả hai Bên.

Mỗi Bên sẽ chuyển cho Bên kia tất cả các thông tin phù hợp cho việc thực hiện trôi chảy và hiệu quả dự án.

Điều 8. Các loại thuế và thuế nhập khẩu

Không một khoản tiền nào trong số đóng góp của phía Bỉ sẽ được sử dụng để chi trả cho các khoản thuế, thuế hải quan, thuế nhập khẩu và các loại chi phí khác liên quan đến thuế (gồm có thuế giá trị gia tăng) đối với các hàng hóa hoặc thiết bị, lao động và dịch vụ.

Điều 9. Sử dụng ngân sách có thể còn dư lại của dự án

Khi dự án hoàn toàn kết thúc, bất cứ khoản ngân sách nào còn dư lại trong phần đóng góp của Bỉ, hai Bên sẽ cùng quyết định sử dụng ngân sách đó trong khuôn khổ chương trình Hợp tác Định hướng Việt Nam - Vương quốc Bỉ.

Điều 10. Thời hạn, gia hạn, hủy bỏ, sửa đổi và tranh chấp

10.1. Hiệp định cụ thể này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký kết và sẽ có hiệu lực trong vòng 66 tháng kể từ ngày Trưởng Cố vấn Kỹ thuật quốc tế đến Việt Nam. Ngày này sẽ được xác định bằng thông báo chính thức do BTC gửi cho các đơn vị liên quan như được đề cập tới trong Điều 2 của Hiệp định này.

10.2. Hiệp định cụ thể này có thể được gia hạn hay sửa đổi thông qua Trao đổi công hàm bằng con đường ngoại giao.

10.3. Hiệp định cụ thể này có thể được hủy bỏ bởi một trong hai Bên thông qua

con đường ngoại giao và cần được báo trước 3 tháng.

10.4. Bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc áp dụng hay diễn giải Hiệp định cụ thể này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa các Bên.

Điều 11. Địa chỉ

Các thông báo mà Hiệp định cụ thể này yêu cầu, mà cụ thể hơn là bất cứ thông báo nào liên quan đến việc sửa đổi và diễn giải Hiệp định này sẽ được thực hiện thông qua con đường ngoại giao tới các địa chỉ sau:

Đối với phía Việt Nam gửi về:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2 Hoàng Văn Thụ - Hà Nội

Đối với phía Vương quốc Bỉ gửi về:

Đại sứ quán Bỉ - 49 Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tất cả những thông báo và thư từ liên quan đến việc điều hành về mặt kỹ thuật của Hiệp định này sẽ được gửi về:

Trưởng Đại diện

Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ
57 Trần Phú, Hà Nội

Để làm bằng, những người được ủy quyền sau đây, đã ký vào Hiệp định cụ thể này.

Làm tại Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2004, thành bốn bản gốc, hai bản bằng tiếng Việt và hai bản bằng tiếng Anh, tất cả các bản có giá trị như nhau./.

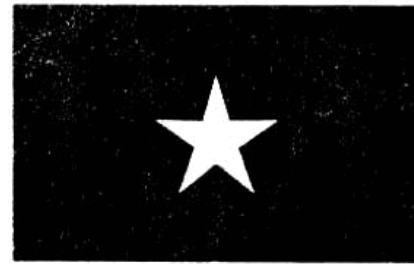
THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nguyễn Minh Hiền

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC BỈ

Bộ trưởng Hợp tác phát triển
Armand De Decker

0967310



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
& VƯƠNG QUỐC BỈ**

HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ CÁC TỈNH MIỀN NÚI
PHÍA BẮC VIỆT NAM**

Tên dự án	Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam		
Nước đối tác	Việt Nam		
Mã số của DGDC	19715/11		
Mã số Navision BTC	VIE 03 019 01		
Ngành	Giáo dục	Phân ngành	810
Cơ quan đối tác	Bộ Giáo dục và Đào tạo và BTC		
Đóng góp của nước đối tác	360.000 EURO		
Đóng góp của Bỉ	4.000.000 EURO		
Quỹ đối ứng	840.000 EURO		
Tổng	5.200.000 EURO		
Ngày dự tính bắt đầu dự án	Tháng 9/2004		
Tổng thời gian dự án	54 tháng (4,5 năm)		

Tóm tắt về dự án

Toàn bộ dự án góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và THCS thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của các trường SP tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Để đạt được điều này, chiến lược tổng thể của dự án gồm hai nội dung như sau:

Thứ nhất, dự án nhằm phát triển, củng cố và duy trì phương pháp dạy và học tích cực phù hợp với việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa mới ở các trường tiểu học, THCS và trường SP. Các lĩnh vực hỗ trợ SP chính của dự án là phương pháp dạy học và đào tạo giáo viên; đánh giá giáo viên và học sinh; thực hành sư phạm của giáo sinh và nghiên cứu ứng dụng. Một mạng lưới học tập cấp tỉnh và liên tỉnh giữa các trung tâm nguồn phương pháp dạy và học tích cực sẽ củng cố và chia sẻ những hoạt động hiệu quả nhất. Xây dựng năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục nhằm phát triển và duy trì việc đổi mới phương pháp dạy và học tích cực. Để đạt được điều này, dự án đã rút được nhiều kinh nghiệm từ dự án trước: Dự án đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền Bắc Việt Nam.

Thứ hai, dự án nhằm tăng tính công bằng trong chất lượng đổi mới giáo dục của các tỉnh mục tiêu. Để làm được điều này, dự án chú trọng tới việc điều chỉnh a) phát triển phương pháp dạy và học tích cực, và b) giáo trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên phù hợp với nhu cầu và điều kiện kinh tế xã hội cụ thể của giáo viên và học sinh gặp nhiều khó khăn tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc. Dự án đặc biệt tập trung vào những vấn đề cụ thể của giáo viên và học sinh dân tộc thiểu số. Ngoài những nội dung cụ thể liên quan tới phương pháp dạy học, đồ dùng dạy học, nghiên cứu ứng dụng, dự án còn hỗ trợ một trường dân tộc nội trú như một trường thực hành và biên soạn giáo trình (phần mềm) trong chương trình đào tạo giáo viên nhằm đạt được tính công bằng hơn trong giáo dục. Những ý tưởng bổ sung nhằm đạt được mục tiêu công bằng này sẽ được phát triển trong suốt dự án.

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt.....	63
1. Bối cảnh.....	64
1.1. Bối cảnh chung.....	64
1.2. Ngành giáo dục.....	64
1.2.1. Tình hình hiện nay.....	64
1.2.2. Cơ cấu và quản lý.....	65
1.2.3. Những thách thức và khó khăn.....	66
1.2.4. Chính sách.....	66
1.2.5. Đổi mới trong ngành giáo dục.....	67
1.2.6. Các biện pháp nhằm tăng cường chất lượng giáo dục cho các nhóm người gặp nhiều khó khăn.....	68
1.3. Hợp tác giữa Bỉ và Việt Nam.....	70
1.4. Các dự án giáo dục khác của Việt Nam.....	71
1.4.1. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).....	71
1.4.2. Ngân hàng thế giới (WB).....	71
1.4.3. Cộng đồng Châu Âu (EU).....	71
1.4.4. Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).....	71
1.4.5. UNICEF.....	72
2. Đánh giá nhận diện dự án.....	72
2.1. Kiến nghị chung.....	72
2.2. Phân tích vấn đề.....	73
2.3. Phân tích mục tiêu.....	73
2.4. Khung logic.....	74
2.5. Các nhóm gặp nhiều khó khăn.....	74
2.6. Vị trí của dự án Việt Bỉ trong mối quan hệ với các chương trình, dự án về giáo dục và đào tạo.....	74
2.7. Sự phân biệt giữa các nhóm mục tiêu.....	75
2.8. Vụ đầu mối của dự án.....	76
3. Dự án.....	76
3.1. Mục tiêu tổng quát.....	76
3.2. Mục tiêu cụ thể.....	76
3.3. Các đối tượng hưởng lợi.....	76
3.3.1. Các đối tượng hưởng lợi trực tiếp.....	77

3.3.2. Những đối tượng hưởng lợi gián tiếp	79
3.4. Kết quả	79
3.4.1. Kết quả 1.....	80
3.4.2. Kết quả 2.....	81
3.4.3. Kết quả 3.....	82
3.4.4. Kết quả 4.....	82
3.5. Các hoạt động	83
3.5.1. Kết quả 1.....	83
3.5.2. Kết quả 2.....	83
3.5.3. Kết quả 3.....	84
3.5.4. Kết quả 4.....	85
3.6. Các chỉ số và nguồn thẩm định	85
3.6.1. Các chỉ số mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.....	85
3.6.2. Các chỉ số kết quả	86
4. Điều kiện tiên đề, giả định và rủi ro	86
4.1. Điều kiện tiên đề.....	86
4.2. Giả định và rủi ro.....	87
5. Cơ cấu và phương thức quản lý dự án.....	87
5.1. Cơ quan thực hiện	87
5.2. Cơ cấu quản lý dự án	87
5.3. Ban chỉ đạo dự án (PSC).....	88
5.4. Ban quản lý dự án (BQLDA)	89
5.5. Tài chính của dự án	90
5.6. Giám sát và đánh giá	91
5.6.1. Giám sát	92
5.6.2. Đánh giá	92
5.7. Kiểm toán	93
5.8. Kết thúc dự án.....	93
5.8.1. Báo cáo cuối cùng	93
5.8.2. Trách nhiệm kết thúc dự án của cả hai Bên	93
6. Nguồn lực	93
6.1. Nhân lực	93
6.1.1. Ban quản lý dự án.....	93
6.1.2. Tư vấn kỹ thuật quốc tế ngắn hạn	94

6.1.3. Tư vấn Việt Nam ngắn hạn	95
6.2. Cơ sở vật chất	95
6.2.1. Thiết bị tại văn phòng dự án đóng tại Hà Nội	96
6.2.2. Thiết bị tại 14 Sở GD&ĐT các tỉnh	97
6.2.3. Thiết bị tại 14 văn phòng dự án đóng tại các tỉnh	97
6.2.4. Trung tâm nguồn/biên soạn tài liệu tại Hà Nội và các trường SP cấp tỉnh	97
6.3. Nguồn tài chính.....	98
7. Khung lô gíc.....	99
8. Phụ lục.....	102
8.1. Phụ lục 1: Đề cương tham chiếu chọn Giám đốc dự án người Việt Nam và Cố vấn trưởng người nước ngoài.....	102
8.2. Phụ lục 2: Lịch thực hiện/kế hoạch theo kết quả.....	104
8.3. Phụ lục 3: Ngân sách tổng thể.....	109
8.4. Phụ lục 4: Ngân sách chi tiết do Bỉ đóng góp	110

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BTC	Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ
DGDC	Tổng Vụ Hợp tác Phát triển Bỉ
EU	Liên minh Châu Âu
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GVTH	Giáo viên tiểu học
JICA	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản
KQ	Kết quả
BQLDA	Ban quản lý dự án
PSC	Ban chỉ đạo dự án
PTDTNT	Phổ thông dân tộc nội trú
SGK	Sách giáo khoa
SP	Sư phạm
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
UNICEF	Quỹ trẻ em Liên hợp quốc
WB	Ngân hàng thế giới
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

1. Bối cảnh

1.1. Bối cảnh chung

Việt Nam là một nước đông dân với gần 80 triệu người, trong đó số dân dưới 25 tuổi chiếm hơn 50%. Dân tộc Kinh đông nhất chiếm hơn 86% tổng dân số; các dân tộc thiểu số khác bao gồm 53 dân tộc khác nhau chiếm 14%, chủ yếu sống ở các vùng miền núi phía Bắc và cao nguyên.

Năm 1986, Chính phủ Việt Nam mở đầu công cuộc "đổi mới" kinh tế trên toàn đất nước, đưa Việt Nam chuyển đổi từ một nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Nền kinh tế trở lại mô hình nông nghiệp dựa vào hộ gia đình, xóa bỏ những rào cản đối với các hoạt động của thành phần kinh tế tư nhân trong thương mại và công nghiệp cũng như xóa bỏ sự tập trung trong quá trình ra quyết định. Trong 15 năm qua, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao dẫn tới giảm đáng kể tỷ lệ nghèo. Chỉ số phát triển nhân lực tăng và cuộc sống của người nghèo được cải thiện nhiều đã khiến những thành tựu phát triển của Việt Nam trở thành một trong những thành công lớn trên thế giới trong những thập kỷ qua.

Tuy nhiên, tình hình phát triển con người giữa các vùng ở Việt Nam rất khác nhau và khoảng cách về thu nhập ngày càng lớn. Nghèo đói thường liên quan một cách rõ ràng đến vị trí địa lý, y tế và giáo dục. Những tỉnh có chỉ số phát triển con người thấp nhất nằm ở khu vực miền núi phía Bắc và cao nguyên miền Trung. Phụ nữ và người dân tộc thiểu số của những vùng này thường là những đối tượng chịu nhiều rủi ro. Các dân tộc thiểu số, chủ yếu sống ở những vùng khó khăn về địa lý, chiếm gần 30% số người nghèo ở Việt Nam. Khoảng 75% người dân thiểu số có mức sống dưới mức nghèo của thế giới.

Việt Nam mong muốn việc củng cố và tăng cường những thành quả đã đạt được. Một kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong vòng 10 năm (2001-2010) đã được xây dựng vì mục đích này và Chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn dân của Việt Nam đã được thông qua năm 2002. Chính phủ hỗ trợ một số chương trình nhằm cải thiện sự công bằng giữa các khu vực đồng bằng và miền núi vùng nông thôn. Chương trình xóa đói giảm nghèo (hay chương trình 133) là chương trình khung cho việc phối hợp các cấp trung ương, tỉnh, huyện và xã trong các chương trình dịch vụ và đầu tư xã hội.

1.2. Ngành giáo dục

1.2.1. Tình hình hiện nay

Mặc dù là một trong những nước nghèo nhất Châu Á, nhưng khi được đánh giá theo những chỉ số thông thường, hệ thống giáo dục của Việt Nam vẫn được xem là có chất lượng cao so với một nước có trình độ phát triển kinh tế như Việt Nam hiện nay. Nền giáo dục của Việt Nam đã vượt xa hơn nhiều nước khác, trong đó có cả

những nước có trình độ phát triển cao hơn. Hơn 90% dân số Việt Nam trên 15 tuổi biết chữ. Việt Nam đã thực hiện thành công phổ cập giáo dục tiểu học và đang tiến tới phổ cập THCS (hiện nay đã có 25% các tỉnh đã đạt được chỉ tiêu này). Mạng lưới nhà trẻ, trường tiểu học và THCS có mặt ở hầu hết các xã, đảm bảo mọi trẻ em đều được tới trường.

Chiến lược Giáo dục cho mọi người đã được xây dựng nhằm tăng cường phát triển giáo dục trong thời gian 2003 - 2015.

1.2.2. Cơ cấu và quản lý

Hệ thống giáo dục Việt Nam có cơ cấu như sau:

Tiểu học: 5 năm

THCS: 4 năm

THPT: 3 năm

Ở bậc đại học, các khóa học thường kéo dài từ 4 tới 6 năm. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề thường tổ chức các khóa học kéo dài 3 năm sau khi học sinh tốt nghiệp THCS; các chương trình ngắn hạn thường chỉ kéo dài 2 năm. Ngoài ra, hệ thống giáo dục Việt Nam còn có các khóa học bổ túc văn hóa cho đối tượng là người lớn để giúp họ hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và tham gia vào các chương trình giáo dục thường xuyên.

Việt Nam có một hệ thống hoàn chỉnh các trường và khoa sư phạm đào tạo giáo viên ở các trình độ khác nhau. Mỗi tỉnh đều có một trường trung cấp sư phạm hoặc một trường cao đẳng sư phạm¹ với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cho các trường mầm non, trường tiểu học và THCS. Đối với chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, học sinh tốt nghiệp THCS phải học 3 năm, tốt nghiệp THPT phải học 2 hoặc 3 năm. Đối với chương trình đào tạo giáo viên THCS, sinh viên phải hoàn thành khóa học 3 năm sau khi tốt nghiệp THPT. Chương trình đào tạo giáo viên THPT, sinh viên sẽ hoàn thành khóa học 4 năm tại các trường Đại học sư phạm.

Giáo dục tiểu học thuộc sự quản lý của chính quyền cấp huyện và xã. Giáo dục trung học, dạy nghề và chuyên nghiệp (bao gồm cả đào tạo giáo viên) thuộc sự quản lý của tỉnh và giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo của tỉnh. Toàn bộ hệ thống giáo dục này sẽ nằm dưới sự giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nhân dân phải có trách nhiệm tham gia xây dựng các trường tiểu học; hội cha mẹ học sinh phải có trách nhiệm chi trả các khoản vận hành và duy trì trường và chính quyền huyện chịu trách nhiệm trả lương cho giáo viên. Đối với các trường trung học

¹ Trường Cao đẳng sư phạm thường có đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất tốt hơn trường trung cấp sư phạm

SP và trung học nói chung, tỉnh phải chia sẻ trách nhiệm với hội cha mẹ học sinh và nhân dân.

1.2.3. Những thách thức và khó khăn

Mặc dù đã đạt được nhiều thành công, ngành giáo dục Việt Nam còn gặp rất nhiều khó khăn. Việc chuyển sang nền kinh tế thị trường đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự bình đẳng trong giáo dục. Khoảng cách giữa khu vực nông thôn và thành thị ngày càng lớn. Hiện có sự khác biệt lớn về mức chi công cộng giữa các khu vực khác nhau.

Chất lượng giáo dục vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của một xã hội hiện đại và công nghiệp hóa. Phương pháp dạy và học đang được đổi mới, tuy nhiên phương pháp dạy học truyền thống vẫn chưa được cải tiến và học sinh vẫn phải học thuộc lòng lý thuyết mà không được thực hành, điều này làm cản trở sự năng động, không khuyến khích tính độc lập và sáng tạo của học sinh. Nhiều trường không có giáo viên cho các môn Mỹ thuật, Âm nhạc hay Thể dục. Một số giáo viên vẫn chưa đạt chuẩn.

Mục tiêu củng cố phổ cập giáo dục tiểu học và tiến tới phổ cập giáo dục THCS sẽ tạo thêm khó khăn cho cơ sở vật chất và nguồn nhân lực hiện nay vì chúng vốn đã không thể đáp ứng được số lượng học sinh ngày càng đông và nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng cao ở mọi cấp. Mục tiêu này cũng đòi hỏi cần có thêm sự hỗ trợ đặc biệt cho những nhóm người và khu vực gặp nhiều khó khăn như các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đảm bảo bình đẳng cho người dân tộc thiểu số được tiếp cận với giáo dục tiểu học và THCS là một thách thức lớn. Nhiều học sinh tiểu học gặp nhiều khó khăn về ngôn ngữ. Mặc dù có rất nhiều giáo viên, nhưng những khu vực vùng sâu và các trường THCS vẫn thiếu giáo viên;

Quản lý giáo dục vẫn còn hạn chế, tập trung và không hiệu quả, gây ảnh hưởng tới công cuộc đổi mới, tính linh hoạt trong việc thích ứng với điều kiện phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng ở Việt Nam.

1.2.4. Chính sách

Chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện tập trung xây dựng một hệ thống giáo dục mà mọi người dân đều có thể tiếp cận được và có chất lượng cao hơn. Kế hoạch này nhấn mạnh đổi mới giáo dục, tăng cường khả năng quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên và mạng lưới các trường cấp cơ sở.

Chính phủ Việt Nam đã soạn thảo kế hoạch hành động “Giáo dục cho mọi người” cho giai đoạn 2003 tới 2015 và củng cố chiến lược phát triển giáo dục tới năm 2010. Kế hoạch này đã cung cấp một khung chiến lược phát triển giáo dục dài hạn, thống nhất và phù hợp với cam kết của chính phủ tại Diễn đàn giáo dục thế giới tại Dakar (tháng 4/2000) và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Kế hoạch quốc gia đã xác định nhu cầu phát triển đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục quốc tế và sự cần thiết của việc hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và THCS thông qua phân quyền quản lý (trao thêm trách nhiệm và quyền hạn cho các cấp của ngành giáo dục), thông qua việc tăng thêm quyền hạn cho chính quyền địa phương và sự hỗ trợ kết hợp của các Bên liên quan khác nhau. Kế hoạch Giáo dục cho mọi người cũng tạo điều kiện cho các tỉnh xác định những ưu tiên của mình tùy theo tình hình tài chính.

Chiến lược phát triển giáo dục bao gồm nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục quốc gia, chương trình và phương pháp giáo dục/đào tạo; phát triển đội ngũ giáo viên và sự liên kết giữa các cơ sở giáo dục, tăng cường nguồn tài chính đầu tư cho mục đích giáo dục và thực hiện phân quyền.

Ý tưởng trọng tâm là thay đổi giáo dục từ lượng sang chất và đòi hỏi những cải tiến đáng kể về nội dung chương trình, các mô hình sư phạm, chất lượng học tập, sự sáng tạo trong dạy/học và nhân sự của ngành giáo dục hiện đại cũng như việc quản lý giáo dục. Nó nhấn mạnh tính tự chủ lớn hơn ở cấp trường và dựa trên hoạt động dạy và học.

Phát triển đội ngũ giáo viên cũng được chú ý nhiều và việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên được coi là một trong những chương trình nhỏ trong chương trình giáo dục cơ bản. Việc phân quyền quản lý nhà nước sẽ đạt được thông qua tăng cường quyền quản lý thường xuyên cấp tỉnh và huyện đối với các trường thực hành. Điều này được nhấn mạnh trong Chỉ thị số 15/1999/CT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường đổi mới phương pháp dạy học trong các trường sư phạm. Chỉ thị này đã nêu rõ việc đổi mới phương pháp dạy học phải bắt đầu từ các trường sư phạm.

1.2.5. Đổi mới trong ngành giáo dục

Trong những năm gần đây, cả nước đã thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa cho lớp 1, 2, 3 cấp tiểu học và lớp 6, 7, 8 cấp THCS.

Chính phủ nhận thức được sự khác biệt về điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa trong xã hội và do đó đã cho phép các tỉnh có thể xây dựng hoặc điều chỉnh một phần chương trình đào tạo giáo viên tiểu học và THCS ở cấp trường SP và các trường liên quan cho phù hợp với hoàn cảnh của địa phương. Trong tài liệu này, phần này được gọi là “phần mềm” trong xây dựng chương trình. Dựa trên cơ sở đó, các giáo viên không những có thể sử dụng thành thạo sách giáo khoa và chương trình mới mà còn có khả năng sáng tạo và linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, phát triển phương pháp dạy học tích cực và bồi dưỡng cho các đồng nghiệp cùng trường mình. Điều này đặc biệt có ích trong việc nâng cao chất lượng giáo dục cho những người nằm trong khu vực gặp nhiều khó khăn nhất.

Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực là một phần quan trọng trong đổi mới giáo dục. Phương pháp này xuất phát từ ý tưởng cho rằng người học cần phải làm việc độc lập, tự học và theo nhóm. Điều này được dựa trên đánh giá cả quá trình và

những thay đổi cơ bản trong các hoạt động dạy/học hàng ngày nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo và độc lập khi người học tham gia vào quá trình học và trong những thay đổi hành vi của chính người học.

Phương pháp này tập trung vào sự giảm dần tác động của giáo viên và tối đa hóa các hoạt động và tính tự chủ của học sinh. Điều này bao gồm việc tối thiểu hóa các đầu vào mang tính lý thuyết và phương pháp áp đặt thuyết trình của người dạy, ưu tiên cho giải quyết vấn đề. Điều này nhằm xây dựng thái độ linh hoạt, tự chủ, tiếp thu và chủ động của học sinh để tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi như thế nào hơn là câu hỏi cái gì. Khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực, giáo viên trở thành một người tư vấn, tổ chức và hướng dẫn cách học. Phương pháp dạy học này chính là phương pháp lấy học sinh làm trung tâm.

Phương pháp dạy học tích cực này cũng nhấn mạnh việc sử dụng các tài liệu tư phạm và sách giáo khoa như các công cụ hướng dẫn chính cho người học tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động lấy người học làm trung tâm.

Phương pháp dạy học tích cực cũng tạo điều kiện điều chỉnh các nội dung tư phạm và khuyến khích các hoạt động thực hành thí nghiệm. Nó cho phép phát triển dần nội dung các tài liệu vì lợi ích của nhiều người học khác nhau (giáo viên, học viên và học sinh) vì họ có tốc độ tiếp thu khác nhau.

1.2.6. Các biện pháp nhằm tăng cường chất lượng giáo dục cho các nhóm người gặp nhiều khó khăn

“Truyện xưa kể lại rằng mẹ Âu Cơ sinh hạ được 100 con, 50 người theo mẹ lên núi và 50 người theo cha xuống biển. Kể từ đó, dân tộc Việt Nam với tinh thần kiên cường và bất khuất đã bên nhau xây dựng đất nước...” (trong “Đại gia đình các dân tộc Việt Nam, Từ một phương pháp tiếp cận, 2002, Hà Nội).

Đại hội Đảng lần thứ IX ngày 22/4/2001 đã yêu cầu phải có những chính sách phát triển kinh tế xã hội đặc biệt cho những khu vực vùng sâu và biên giới và đã khẳng định rằng “phát triển Giáo dục và Đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, phát triển nguồn nhân lực là điều kiện tiên đề và chìa khóa cho việc phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững và nhanh chóng”. Điều này đã được thể hiện trong nhiều đường lối nhằm tăng khả năng tiếp cận hệ thống giáo dục và đảm bảo rằng mỗi dân tộc có giáo viên riêng của mình. Những đường lối quan trọng nhất được đề cập trong chính sách của chính phủ bao gồm:

- Ưu tiên giáo dục cho các dân tộc thiểu số
- Tôn trọng tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số
- Tiếng dân tộc thiểu số được dạy như một môn học trong trường
- Bình đẳng trong việc tiếp cận trường học, hoàn thành việc học tập cho các dân tộc thiểu số

- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm xóa bỏ sự chênh lệch về điều kiện kinh tế xã hội giữa những vùng ít dân đông dân hơn

- Mỗi dân tộc thiểu số đều có giáo viên là người của dân tộc mình.

Một số biện pháp quan trọng nhất nhằm áp dụng chính sách này được tóm tắt như sau:

- Luật phổ cập giáo dục tiểu học² có nêu: Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt. Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục Tiểu học. Chính sách của chính phủ về chữ viết trong giáo dục của dân tộc thiểu số nêu rõ là: tôn trọng chữ viết của các dân tộc (ngoài chữ viết tiếng Việt) và dạy tiểu học bằng tiếng dân tộc. Dân tộc nào có sẵn chữ viết rồi thì dùng chữ viết ấy mà dạy trong các trường của họ ở các lớp dưới (cấp I phổ thông). Đối với Dân tộc không có chữ viết riêng thì dùng chữ quốc ngữ phiên âm tiếng địa phương để dạy họ. Chính sách này cũng nhấn mạnh sự cần thiết dạy tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ tại các trường học. Tiến hành biên soạn và chỉnh lý sách giáo khoa tiếng dân tộc cho phù hợp với nội dung chương trình và kế hoạch dạy học theo quy định.³

- Cần hỗ trợ việc tuyển giáo sinh biết tiếng dân tộc và xây dựng chương trình phù hợp⁴.

- Giáo viên làm việc trong những điều kiện khó khăn như những khu vực vùng sâu, dạy lớp ghép hai lớp, dạy bằng tiếng dân tộc phải được hưởng thêm phụ cấp⁵

- Các trường phổ thông dân tộc nội trú đã được xây dựng ở những tỉnh với tỷ lệ học sinh dân tộc cao. Các trường này tạo nguồn sinh viên cho các trường đại học và chuyên nghiệp đào tạo cán bộ cho các dân tộc, trước hết là giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn khoa học kỹ thuật cho các dân tộc. Đồng thời việc mở trường PTĐTNT còn nhằm đào tạo lực lượng lao động có sức khỏe và phẩm chất tốt để tham gia vào công cuộc xây dựng quê hương mình⁷. Các trường PTĐT nội trú nằm trong các trường phổ thông công lập trong cả nước ở vị trí mũi nhọn trong sự nghiệp giáo dục dân tộc. Mặc dù phải bám sát chương trình được quy định, trường PTĐTNT được phép điều chỉnh và bổ sung thêm những kiến thức về địa phương và văn hóa dân tộc, củng cố, bổ sung, mở rộng kiến thức, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh kém. Cần phải đổi mới nội dung và phương pháp dạy và học ở trường nội trú để thích ứng tốt hơn với điều kiện địa phương.

² Được Quốc hội thông qua ngày 30/6/1991

³ Thông tư của Bộ GD & ĐT số 01/GD-ĐT ngày 03-02-1997

⁴ Thông tư của Bộ GD & ĐT số 01/GD-ĐT ngày 03-02-1997

⁵ Thông tư liên Bộ số 17/TT-LB ngày 27/7/1995

⁶ Thông tư liên tịch số 11/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 27/3/2002

⁷ Quyết định số 2590-GD-ĐT ngày 21/8/1997 của Bộ GD&ĐT

- Tiêu chí tuyển sinh của các trường THCS và THPT và đại học đối với học sinh vùng sâu vùng xa là thấp hơn⁸. Học sinh các vùng đặc biệt khó khăn có thể vào học muộn hơn độ tuổi quy định⁹, được miễn học phí, được cấp miễn phí sách giáo khoa và dụng cụ học tập. Học sinh còn được cấp học bổng và trợ cấp đặc biệt¹⁰.

- Chính sách phát triển kinh tế xã hội hỗ trợ những tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc xây dựng các trường Dân tộc nội trú ở miền núi và các thiết bị và tài liệu dạy học. Chính phủ cấp kinh phí trực tiếp cho việc xây dựng trường học cho dân tộc thiểu số và cũng hỗ trợ nguồn tài chính của cho các tỉnh nghèo có số lượng người dân tộc đông.

1.3. Hợp tác giữa Bỉ và Việt Nam

Sự hợp tác giữa Bỉ và Việt Nam bắt đầu vào năm 1993 và nhanh chóng trở thành một trong những chương trình hợp tác chính của Bỉ. Những hỗ trợ cho ngành giáo dục đã đóng vai trò quan trọng ngay từ đầu. Hai chính phủ đã thực hiện hai dự án về giáo dục cơ bản.

Dự án đầu tiên (1996-2000) nhằm mục đích nâng cao chất lượng và trình độ giáo viên tiểu học và THCS (bồi dưỡng) tại 7 tỉnh miền núi miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu là thông qua đào tạo giáo viên từ xa.

Dự án thứ hai (1999-2003) với đối tượng là giảng viên các trường sư phạm tại tỉnh miền núi phía Bắc. Mục tiêu chính của dự án này là nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tại bảy trường Cao đẳng sư phạm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS tại bảy tỉnh giáp với Trung Quốc. Theo đánh giá của các chuyên gia độc lập, dự án này đã đóng góp rất lớn vào sự đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Kết quả chính của dự án này là áp dụng thành công phương pháp dạy học tích cực và phương pháp này đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia và khu vực rất ủng hộ.

Tại hội nghị Ủy ban hỗn hợp giữa hai chính phủ vào tháng 12/2003, hai Bên đã thỏa thuận một Chương trình hợp tác với mục tiêu đóng góp vào việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm và Chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện của Việt Nam. Đề xuất dự án đào tạo giáo viên được mở rộng ra 14 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam đã được thông qua. Bỉ đã cam kết hỗ trợ cho khung chiến lược Giáo dục cho mọi người vì sự phát triển giáo dục từ năm 2003 tới năm 2015.

⁸ Quyết định số 8/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/02/1999 của Bộ GD&ĐT

⁹ Quyết định số 22 và 23/2000-QĐ-BGD&ĐT, ngày 11/7/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

¹⁰ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001

1.4. Các dự án giáo dục khác của Việt Nam

1.4.1. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)

ADB và các cơ quan hữu quan của Việt Nam đang thực hiện một chương trình ở cấp THCS nhằm nâng cao chất lượng, sự tiếp cận và năng lực của hệ thống đào tạo giáo viên.

ADB đầu tư vào hai dự án:

- Dự án phát triển giáo dục THCS, Xây dựng chương trình và SGK mới THCS, bồi dưỡng nội dung và phương pháp dạy học theo chương trình và sách giáo khoa mới, Bồi dưỡng nâng chuẩn cho giáo viên chưa đạt chuẩn, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm cho các trường THCS, tăng cường công tác quản lý các cấp (thuộc giáo dục THCS).

- Dự án đào tạo giáo viên THCS biên soạn đổi mới chương trình và giáo trình đào tạo giáo viên THCS trình độ cao đẳng sư phạm. Tăng cường cơ sở vật chất, cung cấp thiết bị xây dựng thư viện cho 13 trường CĐSP (trong đó có 3 tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu thuộc phạm vi dự án Việt - Bỉ). Tăng cường năng lực tổ chức quản lý các cấp: Trung ương, tỉnh, trường sư phạm.

1.4.2. Ngân hàng thế giới (WB)

Có hai chương trình đang được thực hiện với nguồn vốn vay của WB:

- “Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn”¹¹, Xây dựng cơ sở vật chất, Bồi dưỡng giáo viên dạy học lớp ghép, dạy tiếng dân tộc cho giáo viên người Kinh, dạy Tiếng Việt cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1, Nâng chuẩn giáo viên Tiểu học

- “Dự án phát triển giáo viên Tiểu học” tập trung xây dựng chương trình đào tạo và bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên Tiểu học. Bồi dưỡng sách giáo khoa mới và đầu tư trang thiết bị cho 10 tỉnh (trong đó chỉ có 1 tỉnh Sơn La thuộc Dự án Việt - Bỉ). Xây dựng chuẩn chuyên môn GVTH, Xây dựng cơ chế đánh giá...

1.4.3. Cộng đồng Châu Âu (EU)

EU sẽ kết thúc chương trình hỗ trợ giáo dục tiểu học (tháng 4/2004) bao gồm tăng cường phát triển chính sách và kỹ năng quản lý giáo dục, phân tích tổ chức, tăng cường Hệ thống thông tin quản lý và các quy trình quản lý tài chính.

Một phần của chương trình có liên quan tới dự án Việt Bỉ là chương trình và sách giáo khoa mới, đánh giá học sinh, bồi dưỡng cách sử dụng đồ dùng dạy học và hỗ trợ xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên các cấp.

1.4.4. Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)

JICA dự định hỗ trợ Bộ giáo dục và Đào tạo củng cố việc phân chia quản lý thông qua dự án cấp tỉnh, cụ thể là đối với Bắc Giang. Ý tưởng dự án là xây dựng một

¹¹ Bao gồm Ausaid, SIDA và Norad.

chương trình thí điểm mô hình trường học bán trú và quản lý trường học. Dự án Việt Bỉ và dự án của JICA có một số điểm tương đồng vì hai dự án đều có đối tượng là cơ cấu giáo dục cấp Bộ, Sở và huyện, các trường sư phạm và trường tiểu học. Do đó, cần phải có sự tham khảo ý kiến và trao đổi thông tin giữa hai Ban quản lý dự án sau này.

Chương trình phát triển giáo dục tiểu học là một chương trình khác do JICA tài trợ, bao gồm toàn bộ các tỉnh trong giai đoạn từ 2003 đến 2010. Chương trình này là một tập tài liệu phát triển tổng thể bậc tiểu học và chỉ ra các lĩnh vực ưu tiên cần hỗ trợ cụ thể. Chương trình này được xây dựng trên nhu cầu của tất cả các tỉnh trên toàn quốc.

1.4.5. UNICEF

Dự án Unicef tập trung vào giáo dục mầm non, tiểu học và đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, huấn luyện kỹ năng dạy lớp ghép, lớp học linh hoạt. Thực hiện chính sách mang trường đến cho học sinh. Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, dạy song ngữ, giáo dục sức khỏe và giáo dục môi trường trong các trường tiểu học.

UNICEF cũng tập trung vào Giáo dục cơ bản thay thế (không chính quy).

2. Đánh giá nhận diện dự án

Quá trình nhận diện dự án được thực hiện sau khi dự án Việt Bỉ đầu tiên được thực hiện thành công tại 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam kết thúc vào tháng 5/2003. Quá trình hình thành dự án đã xem xét những kết quả của quá trình xác định dự án và những kiến nghị của đợt đánh giá cuối này của dự án đầu tiên được thực hiện sau khi hoàn thành bản báo cáo xác định dự án.

Một cách tổng quát, các kết quả của báo cáo xác định dự án và báo cáo đánh giá cuối cùng đã được đoàn hình thành dự án khẳng định lại. Những kết quả chính được tóm tắt dưới đây và/hoặc đan xen trong từng vấn đề cụ thể; các vấn đề và các cách lựa chọn chiến lược được giải thích cụ thể.

2.1. Kiến nghị chung

Có thể tóm tắt các kiến nghị chung như sau:

- Số lượng kết quả trung gian nên được hạn chế;
- Thời gian thực hiện dự án mới nên kéo dài hơn ít nhất là 4 năm;
- Nên tăng cường mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn;
- Nên sử dụng tối đa các chuyên gia trong nước;
- Hiện đại hóa giáo dục nên được ứng dụng thông qua các tầm nhìn và giải pháp khác nhau;
- Cần thiết phải có sự phối hợp giữa các Bên liên quan;
- Nên sử dụng một cách chính xác và hiệu quả các giảng viên cốt cán;

- Phương pháp dạy học tích cực nên được áp dụng một cách sáng tạo và không máy móc;
- Cần phải quản lý và hợp tác liên tục và chặt chẽ;
- Phương pháp dạy học tích cực không nên phụ thuộc hoàn toàn vào thiết bị và tài liệu dạy học;
- Sự hợp tác chặt chẽ và thường xuyên giữa các cơ quan giáo dục của tỉnh và các trường thực hành sẽ là động lực phát triển các công cụ khác nhau và áp dụng phương pháp dạy và học tích cực. Việc trao đổi kỹ năng và kinh nghiệm đạt được của các tỉnh tham gia vào dự án 1 có thể sẽ hỗ trợ các tỉnh còn lại đang gặp khó khăn trong quá trình đổi mới. Các giảng viên cốt cán tham gia vào dự án 1 có thể đóng vai trò nòng cốt;
- Kết quả về đào tạo tiếng Anh được loại bỏ từ kinh nghiệm của dự án trước;
- Một số kết quả như đánh giá và xây dựng năng lực quản lý giáo dục được tích hợp với các kết quả trung gian khác.

2.2. Phân tích vấn đề

Báo cáo xác định dự án đã xác định một trong những vấn đề lớn về giáo dục tại các tỉnh miền núi phía Bắc là chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học và THCS chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Những nguyên nhân dẫn tới vấn đề đó là:

- Đào tạo chưa đạt tiêu chuẩn (như sự liên kết giữa các trường thực hành còn yếu kém, quá nhiều học sinh trong một lớp học, không có trao đổi kinh nghiệm trong nước và quốc tế, trình độ giáo viên còn hạn chế, chiến lược thực hiện các nghiên cứu mang tính ứng dụng trong quá trình dạy/học còn yếu kém, đánh giá còn chủ quan v.v.)
- Không có thiết bị dạy học hiện đại (như thiếu cơ sở vật chất, thiết bị không thích hợp, thiếu lớp học/tài liệu cho việc dạy các môn học cụ thể, thiếu dụng cụ tự học, v.v.)
- Điều kiện hỗ trợ còn yếu (như thiếu sự tham gia của cha mẹ học sinh, điều kiện sống của học sinh còn thấp, v.v.)
- Quản lý giáo dục chưa hiệu quả (như thiếu ngân sách và giáo viên dạy quá tải v.v.)

2.3. Phân tích mục tiêu

Phân tích mục tiêu của dự án nhấn mạnh vào nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Chiến lược được chọn để thực hiện mục tiêu này là:

- Hỗ trợ các hoạt động tăng cường tính hiệu quả trong công tác quản lý các trường và quản lý giáo dục;

- Cung cấp đầy đủ cơ sở đào tạo, trang thiết bị và tài liệu sư phạm;
- Cải thiện điều kiện nói chung hỗ trợ cho quá trình dạy học;
- Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng mang tính hiệu quả và áp dụng những phương pháp đánh giá thích hợp.

2.4. Khung logic

Báo cáo xác định dự án đã cung cấp khung logic cụ thể và khung này được phát triển cụ thể hơn trong quá trình hình thành dự án.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam quyết định rút tỉnh Bắc Giang ta khỏi 14 tỉnh (xem phần JICA) và đồng thời bổ sung thêm một tỉnh mới tách ra từ tỉnh Lai Châu, đó là tỉnh Điện Biên.

Quá trình hình thành dự án đã sắp xếp lại và giảm số lượng kết quả trung gian đã được xây dựng trong quá trình xác định dự án bằng cách sắp xếp lại các hoạt động và tích hợp chúng với nhau trong các kết quả khác.

2.5. Các nhóm gặp nhiều khó khăn

Quá trình hình thành dự án đã cố gắng nhấn mạnh những ảnh hưởng có thể của dự án tới các nhóm dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn. Các hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ các học sinh gặp nhiều khó khăn và giáo viên của những học sinh đó đã được tích hợp trong đề cương dự án này và bao gồm các vấn đề như:

- Chương trình và tài liệu dạy học phải được xây dựng cho phù hợp với hoàn cảnh địa phương;
- Trường dân tộc nội trú được bổ sung vào dự án và được coi như các trường thực hành;
- Tăng cường chất lượng sư phạm của các giáo viên dạy học sinh gặp nhiều khó khăn và người dân tộc thiểu số;
- Các đề tài nghiên cứu ứng dụng liên quan đến các vấn đề về bình đẳng giới trong giáo viên và giữa học sinh người Kinh và học sinh dân tộc sẽ được thực hiện.

2.6. Vị trí của dự án Việt Bỉ trong mối quan hệ với các chương trình, dự án về giáo dục và đào tạo

Mục tiêu của dự án này là tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng phương pháp dạy và học tích cực nhằm tăng cường năng lực sư phạm cho giảng viên đào tạo giáo viên tiểu học và THCS, giáo viên các trường thực hành tiểu học và THCS và giáo viên các trường THCS dân tộc nội trú (mỗi tỉnh có một trường THCS dân tộc nội trú được tham gia vào dự án). Bồi dưỡng phương pháp dạy và học sẽ dần dần cung cấp kiến thức và kỹ năng một cách hệ thống cho từng môn học. Dự án cũng cung cấp thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy và học.

Đổi mới phương pháp đòi hỏi phải có sự hỗ trợ từ nhiều nguồn lực và nhiều hướng khác nhau làm thay đổi nhận thức của giáo viên, thói quen dạy và học thụ động.

Dự án sẽ tập trung vào việc bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc nhằm giúp các tỉnh khó khăn này thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa tiểu học và THCS, phương pháp dạy và học tích cực cho phép giáo viên phát huy tối đa tính tích cực độc lập và sáng tạo của học sinh. Dự án cũng hỗ trợ giảng viên trong công tác nghiên cứu ứng dụng về phương pháp dạy học tích cực và bình đẳng trong giáo dục đối với các học sinh dân tộc. Đối với việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực, dự án sẽ tích hợp một số vấn đề vào một số môn học như giáo dục môi trường, giáo dục giới tính, phòng chống HIV/AIDS. Trong mọi hoạt động, dự án sẽ ưu tiên cho các giáo viên nữ và người dân tộc.

Việc đóng góp vào nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và THCS cũng như bình đẳng giới và dân tộc phù hợp với chiến lược xóa đói giảm nghèo và kế hoạch giáo dục quốc gia cho mọi người trong giai đoạn 2003 - 2015 vì:

- Dự án hỗ trợ củng cố hệ thống giáo dục cơ bản chín năm;
- Nó phụ thuộc rất nhiều vào cơ cấu phân quyền tại các cơ sở giáo dục cấp tỉnh và các trường sư phạm;
- Nó tập trung vào việc nâng cao chất lượng giáo dục thông qua đổi mới quá trình dạy/học; và
- Những đối tượng hưởng lợi đang sống trong điều kiện khó khăn (vùng nông thôn, vùng núi) xa xôi và khó có khả năng tiếp cận trường THCS. Hơn nữa, hệ thống giáo dục sử dụng quốc ngữ là ngôn ngữ chính thức cũng là những khó khăn cho học sinh dân tộc thiểu số.

Dự án mới sẽ tác động hỗ trợ cho những dự án có liên quan đến đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS của các nhà tài trợ khác (WB, ADB, JICA, EU và UNICEF). Một số biện pháp đã được thực hiện nhằm tránh trùng lặp nhóm giảng viên mục tiêu và tránh làm việc quá tải đối với nguồn nhân sự ở tỉnh cùng một thời điểm phải thực hiện nhiều dự án. Rõ ràng là sự kết hợp giữa các dự án khác nhau là rất quan trọng và phải xây dựng các kế hoạch cụ thể cho từng tỉnh khi bắt đầu dự án.

2.7. Sự phân biệt giữa các nhóm mục tiêu

Dự án mới sẽ gặp rất nhiều tình huống khác nhau. Bối cảnh và điều kiện phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh là rất khác nhau. Chương trình mới, phương pháp dạy học tích cực và các đổi mới khác chưa được áp dụng một cách giống nhau trong 14 tỉnh tham gia vào dự án Việt - Bỉ. Trong các tỉnh tham gia vào dự án 1, những kết quả đã đạt được có thể được tăng cường và phát triển hơn nữa. Đối với các tỉnh khác, có thể phương pháp dạy học tích cực vẫn còn là một vấn đề mới. Có một tỉnh vừa được thành lập và do đó hệ thống giáo dục mới. Hơn nữa, quá trình phát triển ở Việt Nam rất năng động và luôn biến đổi nhanh bao gồm cả ngành giáo dục. Vì vậy,

nên tiến hành một đợt khảo sát cơ bản khi bắt đầu triển khai dự án nhằm xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình mỗi tỉnh tại thời điểm bắt đầu của dự án.

2.8. Vụ đầu mối của dự án

Vụ Giáo viên vốn được Bộ GD&ĐT chỉ định là vụ đầu mối của dự án đã giải thể và nhân sự của vụ này được nhập vào 3 vụ khác. Điều này đòi hỏi phải chỉ định một vụ mới làm đầu mối cho dự án nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.

Theo đó, Vụ Giáo dục Trung học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử làm Vụ đầu mối cho dự án¹².

3. Dự án

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

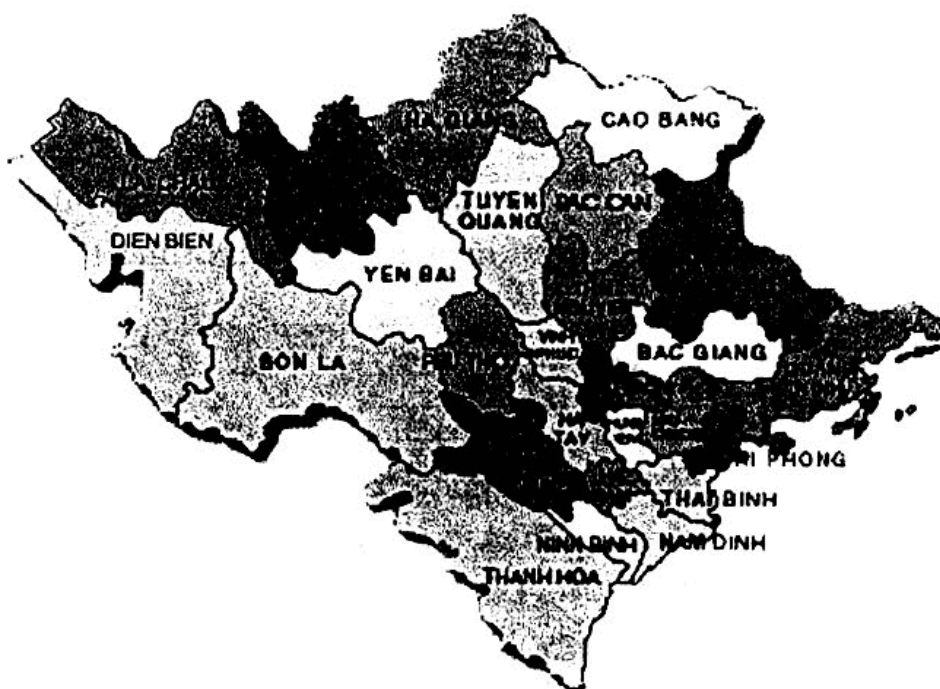
3.2. Mục tiêu cụ thể

Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

3.3. Các đối tượng hưởng lợi

Các đối tượng hưởng lợi nằm trên địa bàn 14 tỉnh miền núi phía Bắc được liệt kê và thể hiện trong bản đồ dưới đây:

Hình 1: Miền Bắc Việt Nam



¹² Công văn của Bộ GD&ĐT số 2616/HTQT ngày 06/4/2004

Các tỉnh tham gia vào dự án	Dân số (X1000)	Mật độ
*Sơn La	881,4	62
*Hà Giang	602,7	77
*Lai Châu	313,5	35
*Tuyên Quang	675,1	116
*Lào Cai	547,1	86
*Cao Bằng	491,1	77
*Lạng Sơn	704,6	86
**Hòa Bình	757,6	164
**Phú Thọ	1261,5	364
**Yên Bái	679,7	100
**Thái Nguyên	1046,2	278
**Bắc Cạn	275,3	57
**Quảng Ninh	1004,5	169
**Điện Biên	440,3	46

(*) 7 tỉnh tham gia vào dự án "Đào tạo giáo viên các trường sư phạm bảy tỉnh miền Bắc Việt Nam"

(**) 7 tỉnh miền núi phía Bắc không tham gia vào dự án "Đào tạo giáo viên các trường sư phạm bảy tỉnh miền Bắc Việt Nam"

3.3.1. Các đối tượng hưởng lợi trực tiếp

Có hai nhóm đối tượng hưởng lợi trực tiếp: nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán và nhóm đối tượng hưởng lợi thứ hai.

Nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán gồm 504 giảng viên cốt cán, 126 cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo và 140 người là thành viên Hội đồng khoa học của 14 trường SP.

Nhóm đối tượng hưởng lợi thứ cấp ước tính là 1000 giảng viên có năng lực của các trường SP và 1500 giáo viên của các trường thực hành tiểu học và THCS (42 trường).

Nhóm hưởng lợi gián tiếp là học sinh các trường tiểu học và THCS (xem 3.2.2)

Chi tiết về từng nhóm được trình bày dưới đây:

3.3.1.1. Nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán

A. 504 giảng viên cốt cán = 14 tỉnh * 36 giảng viên

Nhóm này bao gồm những giảng viên đào tạo giáo viên, tham gia tích cực vào công tác đào tạo và/hoặc bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS, không tham gia công tác quản lý và dạy ít nhất một trong 18 môn học sau trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học và THCS: Giáo dục học, Tâm lý học, Toán, Văn học, Tiếng Việt, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Đạo đức, Mỹ thuật, Nhạc, Thể dục, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp, Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin.

Nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán được đề chọn dựa trên những tiêu chí sau:

a) Cân đối số lượng giảng viên đào tạo giáo viên tiểu học và giảng viên đào tạo giáo viên THCS theo môn học phù hợp với nhu cầu và điều kiện của tỉnh.

b) Cân đối các môn học thể hiện qua thời lượng (số tiết/một năm) của mỗi môn học trong chương trình đào tạo giáo viên và chương trình tiểu học và THCS.

c) Cấp học và môn học được chọn theo tỷ lệ song phải tính đến khối lượng công việc và sự có mặt của các giảng viên ở trường.

d) Tối thiểu 60% đối tượng hưởng lợi cốt cán là nữ. Để đạt được con số đó, cần có các ưu tiên trong quá trình lựa chọn (ví dụ, cho phép những người có trình độ thấp hơn) và có sự phân biệt ưu tiên trong quá trình thực hiện nhằm khuyến khích họ tham gia (ví dụ, khuyến khích các bà mẹ trẻ). Con số này ở mỗi tỉnh có thể khác nhau tùy theo tỷ lệ giới trong đội ngũ giảng viên của các trường SP và sẽ được điều chỉnh cân bằng cùng với tiêu chí môn học.

e) Tối thiểu 40% đối tượng hưởng lợi cốt cán là người dân tộc thiểu số. Cần có những biện pháp ưu tiên trong quá trình lựa chọn để đạt được con số này (ví dụ, cho phép những người có bằng cấp thấp hơn chuẩn). Con số này ở mỗi tỉnh sẽ khác nhau tùy theo tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong đội ngũ giảng viên của các trường SP và sẽ được cân đối với tiêu chí môn học.

f) Để đảm bảo được tính bền vững cho dự án, những người tham gia nên có độ tuổi tối đa là 45, song tiêu chí này có thể được cân đối với các tiêu chí trên.

g) Để đảm bảo chất lượng, nên quy định một trình độ văn hóa chuẩn tối thiểu nhất định (ví dụ, bằng cử nhân), song tiêu chí này có thể được xem xét để đạt được tiêu chí e và f.

h) Nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán nên là đại diện đội ngũ giảng viên, bao gồm cả các giảng viên có kiến thức lý thuyết vững và các giảng viên có kinh nghiệm thực tế.

B. 126 cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo của (= 14 tỉnh * 9 cán bộ quản lý GD&ĐT một tỉnh)

Nhóm này bao gồm các cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo giáo viên:

Sở GDĐT

1 Giám đốc hoặc phó giám đốc

1 Trưởng phòng Đào tạo hoặc người đại diện

	1 Trưởng phòng Tiểu học hoặc người đại diện
	1 Trưởng phòng THCS hoặc người đại diện
Trường SP	1 Hiệu trưởng hoặc hiệu phó
	1 Trưởng phòng Đào tạo
Trường thực hành	1 Hiệu trưởng hoặc hiệu phó trường thực hành tiểu học
	1 Hiệu trưởng hoặc hiệu phó trường thực hành THCS
	1 Hiệu trưởng hoặc hiệu phó trường Dân tộc nội trú thực hành là một trong các trường dân tộc nội trú ở gần trường SP

C. 140 thành viên Hội đồng khoa học (= 14 tỉnh * 10 thành viên hội đồng khoa học theo môn học của trường SP).

Nhóm này chủ yếu gồm chủ nhiệm và/hoặc phó chủ nhiệm khoa và bộ môn và họ là thành viên tích cực của Hội đồng khoa học của các trường SP và có trách nhiệm phê duyệt và đánh giá các đề tài nghiên cứu ứng dụng.

3.3.1.2. Nhóm đối tượng hưởng lợi thứ cấp

A. 1000 giảng viên khác

Số lượng giảng viên này ước tính là tổng số các giảng viên ngoài đối tượng hưởng lợi cốt cán. Họ là đồng nghiệp với các đối tượng hưởng lợi cốt cán và có chung những đặc điểm như nhóm đối tượng hưởng lợi cốt cán.

B. 1500 giáo viên tiểu học và THCS

Nhóm này bao gồm giáo viên của 1 trường tiểu học thực hành, 1 trường THCS thực hành và 1 trường THCS dân tộc nội trú nằm gần trường SP.

3.3.2. Những đối tượng hưởng lợi gián tiếp

a) Học sinh các trường tiểu học và THCS thực hành và trường THCS dân tộc nội trú (mỗi tỉnh một trường, nằm gần trường SP)

b) Giáo sinh đang theo học chương trình đào tạo giáo viên của các trường SP và học sinh của họ sau này

c) Giáo viên không được dự án hỗ trợ nhưng theo học các khóa bồi dưỡng do giảng viên của dự án tập huấn và học sinh của những giáo viên này trong tương lai.

3.4. Kết quả

Mục tiêu cụ thể của dự án sẽ được hoàn thành thông qua một số kết quả dưới đây. Cần lưu ý rằng những kết quả này sẽ liên quan với nhau thông qua chiến lược tổng quát được đề cập trong phần mô tả tóm tắt dự án (xem dưới đây)

3.4.1. Kết quả 1

Các giảng viên SP và giáo viên các trường thực hành ứng dụng phương pháp dạy và học tích cực trong hoạt động dạy học hàng ngày của họ phù hợp với chương trình và sách giáo khoa mới và phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể

Kết quả này sẽ góp phần củng cố và thể chế hóa các phương pháp dạy và học mới cho chương trình và sách giáo khoa mới, phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh địa phương.

Chiến lược đề ra là:

- Nhằm phát triển, nâng cao chất lượng, củng cố và mở rộng quá trình và các kết quả của các khóa học về phương pháp dạy học tích cực trong khuôn khổ Dự án Việt - Bỉ đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền Bắc Việt Nam (7 tỉnh trước đây)

- Xây dựng và phát triển quá trình và kết quả bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực sang 7 tỉnh mới.

Chiến lược này áp dụng đối với tất cả các môn học trong chương trình đào tạo giáo viên và một số lĩnh vực sư phạm mới, với sự quan tâm đặc biệt đến hoàn cảnh và nhu cầu của các giáo viên và học sinh vùng khó.

Để làm được điều này, dự án sẽ:

1. Tổ chức một quá trình thực hiện các khóa học về phương pháp dạy học tích cực dựa trên tính sáng tạo, đổi mới, thực hành, tăng tính độc lập và chuyên nghiệp của giảng viên hơn là chỉ lặp lại và truyền đạt các kết quả của dự án trước;

2. Bao gồm những môn học và lĩnh vực cụ thể trong thực hiện chương trình và sách giáo khoa như:

- Đánh giá giáo viên và học sinh
- Các giáo sinh thực tập sư phạm;

3. Phân biệt sự khác nhau giữa một số hoạt động bồi dưỡng cho những đối tượng hưởng lợi cốt cán

4. Định hướng và kết hợp các chuyến tham quan học tập với mục đích học tập phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo rằng chúng sẽ có tác động tới các hoạt động sau này.

5. Xây dựng mạng lưới học tập phương pháp dạy học tích cực cấp tỉnh và liên tỉnh nhằm cung cấp thông tin và hỗ trợ sư phạm cho giảng viên và giáo viên;

6. Chỉnh sửa tài liệu bồi dưỡng và các hoạt động của dự án trước cho phù hợp với tiến trình đổi mới và yêu cầu mới. Điều này sẽ được tiến hành bằng cách bổ sung nhiều hoạt động thích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của giáo viên và giảng viên, ví dụ:

- Bồi dưỡng "cách sử dụng đồ dùng dạy học theo chương trình và sách giáo khoa mới";
- Bồi dưỡng "cách thực hiện thực hành thí nghiệm trong phòng thí nghiệm tại trường THCS";
- Xây dựng và cung cấp giáo án và tài liệu hướng dẫn (đặc biệt là tài liệu trực quan) cho giáo viên để họ tiết kiệm thời gian chuẩn bị bài;
- Tăng cường khả năng cập nhật thông tin và kiến thức;
- Bồi dưỡng phương pháp dạy học mới theo định hướng thực hành nhiều hơn

7. Khác biệt hóa giữa các tỉnh. Một chiến lược khác biệt sẽ được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát cơ bản lúc bắt đầu dự án và kết hợp với các dự án khác được thực hiện trong cùng phân ngành và lĩnh vực.

8. Đặc biệt chú ý tới việc điều chỉnh và hoàn thiện phương pháp dạy học tích cực phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của giáo viên và học sinh khó khăn trong tỉnh.

Kết quả này sẽ đạt được thông qua việc tăng cường liên hệ với trường dân tộc nội trú; thông qua việc chỉnh sửa tài liệu bồi dưỡng và các hoạt động trong các khóa học về phương pháp dạy học tích cực; và thông qua các ý tưởng bổ sung nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể như bồi dưỡng những cách xử lý phù hợp đối với học sinh chậm tiến và vùng khó (ví dụ: thông qua thay đổi phương pháp và thái độ của giáo viên, bạn bè giúp đỡ lẫn nhau, nâng cao nhận thức cho cha mẹ học sinh, nâng cao tính tự tin và kỹ năng giao tiếp cho những học sinh dân tộc thiểu số...); bồi dưỡng cách tự tạo các đồ dùng học tập một cách sáng tạo tại những trường khó khăn

Kết quả này có liên kết chặt chẽ với kết quả 2 (xem dưới đây).

Các đối tượng hưởng lợi từ kết quả này là 504 giảng viên cốt cán, 126 cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo cốt cán, 1000 giảng viên còn lại của trường SP thuộc nhóm hưởng lợi thứ hai và 1500 giáo viên các trường thực hành và trường dân tộc nội trú.

3.4.2. Kết quả 2

Chương trình phân mềm dành cho địa phương trong chương trình đào tạo giáo viên được biên soạn phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Kết quả 2 nhằm xây dựng giáo trình (phần mà trên nguyên tắc các địa phương được chủ động biên soạn giáo trình riêng cho phù hợp với hoàn cảnh của địa phương, trong chương trình đào tạo giáo viên.

Chiến lược là hỗ trợ những người có trách nhiệm tại trường SP khi xác định nhu cầu của địa phương và lập đề cương; hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện đề cương thông qua một số hoạt động như cung cấp chuyên gia, thiết kế biên soạn và xuất bản tài liệu đào tạo, hỗ trợ thực hiện thí điểm và cuối cùng là ứng dụng.

Do phần mềm của chương trình được xây dựng giáo trình theo mức độ nhu cầu của địa phương nên sẽ có sự khác biệt về nội dung giữa chương trình và tài liệu của các tỉnh. Nếu những ý tưởng thích hợp và có thể ứng dụng được ở nhiều tỉnh thành, dự án sẽ khuyến khích để nhân rộng.

Phương thức tiếp cận này không chỉ tăng mức độ thích hợp của chương trình mà còn hỗ trợ tăng cường năng lực địa phương nhằm phát triển công tác đào tạo theo nhu cầu. Các đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ kết quả này là 140 thành viên hội đồng khoa học cùng với 140 giảng viên cốt cán (những người cũng được hưởng lợi từ kết quả 1). Những đối tượng này cũng tham gia tích cực vào kết quả 3.

3.4.3. Kết quả 3

Giảng viên được hỗ trợ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp và có tính ứng dụng, có chất lượng tốt về phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động nhằm tăng cường tính công bằng cho học sinh dân tộc thiểu số.

Kết quả này hỗ trợ nhiệm vụ nghiên cứu của các trường SP (theo Thông tư số 37 của Bộ GDĐT, hàng năm mỗi giảng viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu ứng dụng).

Chiến lược là tối đa hóa tính phù hợp, chất lượng và tính ứng dụng thông qua xây dựng năng lực cho hội đồng khoa học; thông qua hỗ trợ một số đề tài nghiên cứu xuất sắc; và thông qua việc chia sẻ kết quả giữa các tỉnh. Do đó, năng lực nghiên cứu được phát triển sẽ ảnh hưởng tích cực tới công tác nghiên cứu khoa học của giáo sinh.

50% đề tài nghiên cứu ứng dụng được hỗ trợ là những đề tài tập trung vào nghiên cứu ứng dụng về phương pháp dạy học tích cực và 50% đề tài nghiên cứu bối cảnh cụ thể và yêu cầu của giáo viên, học sinh dân tộc thiểu số.

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp của kết quả này là 140 thành viên hội đồng khoa học và 140 giảng viên cốt cán (cũng được hưởng lợi từ kết quả 1).

3.4.4. Kết quả 4

Các trường SP và trường thực hành được hỗ trợ thiết bị, nguồn lực và tài liệu nhằm hỗ trợ có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực và các kết quả 1, 2 và 3.

Kết quả này hỗ trợ quá trình thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới tại các trường SP và các trường thực hành trong dự án và các kết quả từ 1 đến 3.

Chiến lược là xây dựng một trung tâm nguồn về phương pháp dạy học tích cực khiêm tốn nhưng thích hợp tại mỗi trường SP và trường thực hành nhằm có thể tiếp cận với các thông tin được cập nhật; tự học, tiếp cận thiết bị và tài liệu sư phạm của phương pháp dạy học tích cực, các phương tiện sản xuất tài liệu phục vụ phương pháp dạy học tích cực (bao gồm các bài học, băng video ghi lại các tiết học, tài liệu trực quan,...).

Trung tâm này sẽ liên kết các trường SP và trường thực hành trong một mạng cấp liên tỉnh nhằm tạo cơ hội trao đổi kết quả và kinh nghiệm hoạt động hiệu quả nhất (như lập trang web và liên lạc bằng internet).

Trung tâm thực hiện công tác bồi dưỡng cách sử dụng và bảo dưỡng trang thiết bị.

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp của kết quả này là những người sử dụng tại các 14 trường SP tham gia dự án và 42 trường thực hành.

3.5. Các hoạt động

3.5.1. Kết quả 1

Các giảng viên và giáo viên các trường thực hành ứng dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học hàng ngày của họ phù hợp với chương trình và sách giáo khoa mới và phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể

A1 Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo về phương pháp dạy học tích cực

A2 Khảo sát cơ bản hoạt động đào tạo hiện nay và nhu cầu bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực ở từng tỉnh

A3 Thiết kế khung hoạt động tổng thể về áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới phù hợp với chiến lược

A4 Xây dựng và phát triển các trung tâm tự học về phương pháp dạy học tích cực, mạng lưới học tập và hoạt động liên kết

A5 Thực hiện, giám sát và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi cốt cán (giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo)

A6 Thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi thứ hai (giảng viên và giáo viên trường thực hành)

A7 Chuẩn bị, thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá các chuyên tham quan học tập

A8 Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả 1

A9 Khuyến khích các hoạt động hợp tác (hợp tư vấn/phối hợp; trao đổi/nhân rộng và công bố kết quả, rút ra các bài học,...)

3.5.2. Kết quả 2

Chương trình phần mềm dành cho địa phương trong chương trình đào tạo giáo viên được biên soạn phù hợp với đặc điểm của địa phương.

A1 Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa tập huấn về biên soạn giáo trình

- A2 Khảo sát cơ bản về phần mềm trong chương trình đào tạo giáo viên (bao gồm nhu cầu, nội dung chương trình cần biên soạn, năng lực đội ngũ tác giả biên soạn)
- A3 Xây dựng khung hoạt động đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với chiến lược
- A4 Xây dựng năng lực của các đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi cốt cán đã qua lựa chọn) nhằm phân tích nhu cầu địa phương và xây dựng đề cương
- A5 Hỗ trợ phân tích nhu cầu địa phương và lập đề cương
- A6 Đánh giá, thiết kế và lựa chọn các đề cương theo các tiêu chí phù hợp và khả thi
- A7 Hỗ trợ thực hiện đề cương (ví dụ: hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ biên soạn và phát hành tài liệu, hiệu đính ...)
- A8 Phát triển, giám sát và đánh giá hoạt động thí điểm và ứng dụng giáo trình đào tạo giáo viên
- A9 Cung cấp thông tin về các giáo trình có hiệu quả nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận

3.5.3. Kết quả 3

Giảng viên được hỗ trợ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp và có tính ứng dụng, có chất lượng tốt về phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động nhằm tăng cường tính công bằng cho học sinh dân tộc thiểu số.

- A1 Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo về nghiên cứu ứng dụng
- A2 Khảo sát cơ bản (các chủ trương và tình hình thực tế, tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng)
- A3 Thiết kế khung các hoạt động về nghiên cứu ứng dụng phù hợp với chiến lược
- A4 Xây dựng năng lực cho những đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi cốt cán đã qua lựa chọn) nhằm phát triển và đánh giá các đề tài nghiên cứu có chất lượng và tính ứng dụng cao
- A5 Nhận, đánh giá và chọn lựa các đề cương nghiên cứu theo tiêu chí bao gồm tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng và chủ đề
- A6 Hỗ trợ, giám sát và đánh giá các đề tài nghiên cứu ứng dụng
- A7 Cung cấp thông tin về kết quả những đề tài nghiên cứu tốt nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận
- A8 Phát triển các hoạt động chuyển giao năng lực nghiên cứu khoa học cho các giáo sinh

3.5.4. Kết quả 4

Các trường SP và trường thực hành được cung cấp thiết bị, nguồn lực và tài liệu nhằm hỗ trợ có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực và các kết quả 1, 2 và 3

A1 Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học và tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên

A2 Khảo sát cơ bản (thiết bị và tài liệu hiện có tại mỗi tỉnh; nhu cầu về thiết bị và tài liệu; nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên; nhu cầu bồi dưỡng của những người sử dụng)

A3 Thiết kế trung tâm nguồn và lên danh sách sơ lược các nội dung phù hợp với chiến lược (xem kết quả 3.4.4)

A4 Mua và lắp đặt trang thiết bị và tài liệu cho trường SP

A5 Mua và lắp đặt trang thiết bị cho trường thực hành

A6 Phát triển và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng các nhân viên phụ trách công tác bảo dưỡng, lưu kho, phân loại, cung cấp,...

A7 Xây dựng và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng cho những người sử dụng

A8 Xây dựng, phát triển và duy trì mạng lưới và trang web

A9 Giám sát và đánh giá kết quả

3.6. Các chỉ số và nguồn thẩm định

3.6.1. Các chỉ số mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể

3.6.1.1. Mục tiêu tổng quát:

Có ít học sinh tiểu học và THCS bỏ học và lưu ban hơn tại các trường hưởng lợi từ dự án.

Được thẩm định qua: so sánh tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban lúc bắt đầu và kết thúc dự án. So sánh dựa trên số liệu thống kê do Sở GD&ĐT tỉnh và/hoặc trường hưởng lợi từ dự án cung cấp lúc bắt đầu và kết thúc dự án.

3.6.1.2. Mục tiêu cụ thể:

Năng lực sư phạm của giảng viên đào tạo giáo viên tiểu học và THCS, giáo viên trường SP và giáo viên các trường tiểu học và THCS (cụ thể là giáo viên các trường thực hành và giáo viên tốt nghiệp từ các trường SP) đã được nâng cao hơn so với khi dự án bắt đầu.

Được thẩm định qua: một đánh giá so sánh (dựa trên quan sát) khi bắt đầu và kết thúc dự án. So sánh này dựa trên:

a) Báo cáo đánh giá do các chuyên gia sư phạm thực hiện dựa trên quan sát các tiết học thực tế và/hoặc trên băng video trong quá trình thực hiện dự án.

b) Điều tra và báo cáo đánh giá các hoạt động của giảng viên, giáo viên và giáo sinh khi dự án bắt đầu và kết thúc.

3.6.2. Các chỉ số kết quả

1. (KQ1) Phương pháp dạy học tích cực được các giảng viên đào tạo giáo viên tiểu học và THCS, giáo viên các trường thực hành áp dụng thường xuyên hơn và phù hợp với điều kiện địa phương hơn so với trước khi dự án được thực hiện.

Được thẩm định qua: một đánh giá so sánh (dựa trên quan sát và đánh giá) khi bắt đầu và kết thúc dự án. So sánh này dựa trên:

a) Báo cáo đánh giá của các chuyên gia phương pháp dạy học tích cực dựa trên quan sát các tiết học thực tế và/hoặc trên băng video khi dự án bắt đầu và kết thúc

b) Điều tra và báo cáo đánh giá (bao gồm cả tự đánh giá) hoạt động về phương pháp dạy và học tích cực của giảng viên và giáo viên.

2. (KQ2) Giáo trình và tài liệu được biên soạn/điều chỉnh nhờ hỗ trợ của dự án được sử dụng và được đánh giá cao do tính phù hợp và hữu ích.

Được thẩm định qua:

a) Danh mục các giáo trình và nội dung/tài liệu được biên soạn/điều chỉnh và đang được sử dụng

b) Được Sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường SP, những người sử dụng và đối tượng hưởng lợi đánh giá cao.

3. (KQ3) Các nghiên cứu do các giảng viên tiến hành được đánh giá thật sự là các nghiên cứu ứng dụng, có chất lượng tốt hơn và phù hợp hơn so với trước khi dự án bắt đầu.

Được thẩm định qua: báo cáo tổng quát và đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu khoa học do dự án cử tới được so sánh với báo cáo đánh giá chung công tác nghiên cứu khoa học trước khi dự án bắt đầu.

4. (KD4) Các giảng viên SP và giáo viên các trường thực hành là đối tượng hưởng lợi có thể tiếp cận và sử dụng nhiều hơn và hiệu quả hơn các thiết bị, nguồn lực và tài liệu trước khi dự án bắt đầu.

Được thẩm định qua: điều tra và báo cáo tần suất sử dụng và ứng dụng do lãnh đạo và những người sử dụng cung cấp.

4. Điều kiện tiên đề, giả định và rủi ro

4.1. Điều kiện tiên đề

Các trường SP hưởng lợi từ dự án vẫn đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS; trường thực hành vẫn phải thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học và THCS.

4.2. Giả định và rủi ro

■ Công cuộc đổi mới giáo dục được thực hiện toàn diện có ảnh hưởng tới tất cả các cấp giáo dục và đào tạo và tất cả các lĩnh vực của hệ thống giáo dục (như là kiểm tra và thi cử, thanh tra giáo viên và trường học). Thông qua việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, dự án sẽ xây dựng được niềm tin giữa những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục trong việc sử dụng một cách tối ưu phương pháp dạy và học tích cực và sử dụng hiệu quả sách giáo khoa mới. Điều này tạo điều kiện cho giáo viên ở tất cả các cấp đóng góp một cách có ý nghĩa cho việc xây dựng và đổi mới chương trình.

■ Có sự hợp tác, thống nhất và hỗ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả giữa các đối tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại các cấp trong tỉnh, trường SP và trường thực hành.

■ Việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa tiểu học và THCS được tiến hành thuận lợi và có đầy đủ chương trình và sách giáo khoa mới cho tất cả giảng viên, giáo viên và học sinh của các tỉnh mục tiêu.

■ Có khả năng tài chính và kỹ thuật để có thể sử dụng Internet và thư điện tử ở các tỉnh của dự án.

■ Việc bảo dưỡng thiết bị, các nguồn lực và tài liệu do dự án và/hoặc các đối tác khác cung cấp phải khả thi và lâu dài.

■ Các Bên liên quan của dự án nhận và có cách phản hồi tích cực và cởi mở đối với tất cả hoạt động của dự án.

5. Cơ cấu và phương thức quản lý dự án

5.1. Cơ quan thực hiện

Chính phủ Việt Nam ủy thác Bộ Giáo dục và Đào tạo là Bộ chủ quản trong việc thực hiện dự án. Vụ Giáo dục trung học - Bộ GD&ĐT là Vụ đầu mối trong Ban quản lý dự án TW.

Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ chịu trách nhiệm huy động phần đóng góp của phía Bỉ và các đầu vào của dự án. Trưởng đại diện thường trú của Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ tại Hà Nội, với tư cách là cơ quan thực hiện, sẽ tạo điều kiện và hỗ trợ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trưởng đại diện thường trú của Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ sẽ được Cố vấn trưởng người nước ngoài trợ giúp.

5.2. Cơ cấu quản lý dự án

Ban chỉ đạo dự án là cấp quản lý cao nhất của dự án. Ban chỉ đạo có trách nhiệm đưa ra những định hướng mang tính chiến lược cần thiết cho tất cả những đối tượng tham gia thực hiện dự án và đảm bảo rằng mục tiêu của dự án sẽ đạt được đúng như thời hạn đã đặt ra. Ban chỉ đạo dự án đóng vai trò như thanh tra về tổ chức, kỹ thuật và kiểm toán tài chính của dự án.

Cấp quản lý thứ hai của dự án là BQLDA. BQLDA hỗ trợ và quản lý hàng ngày việc triển khai dự án. BQLDA có nhiệm vụ đảm bảo việc quản lý tốt tất cả các nguồn lực của dự án (nhân lực và vật lực). BQLDA cung cấp đầu vào mang tính khái niệm đối với phương pháp và chiến lược của dự án cũng như đề xuất về chính sách đối với Bộ GD&ĐT.

Cấp quản lý thứ ba của dự án được đặt ở cấp tỉnh. BQLDA tỉnh hỗ trợ về mặt hậu cần đối với 14 Sở GD&ĐT. Các Sở GD&ĐT điều phối và hướng dẫn việc quản lý các trường SP cũng như Hội đồng khoa học của tỉnh, Bên chịu trách nhiệm về thực hiện đổi mới giáo dục. Mỗi BQLDA tỉnh ở 14 tỉnh sẽ duy trì liên lạc với cấp TW trong khi vẫn hỗ trợ Sở GD&ĐT trong việc điều phối dự án ở cấp tỉnh.

5.3. Ban chỉ đạo dự án (PSC)

Ban chỉ đạo dự án là cấp có quyền quyết định cao nhất đối với việc thực hiện dự án. Ban chỉ đạo dự án sẽ có chức năng và trách nhiệm như sau:

- Hướng dẫn và định hướng thực hiện dự án đối với các đối tượng có liên quan đến dự án;

- Thẩm định quá trình thực hiện, kết quả đạt được của dự án và thông qua tất cả các báo cáo tiến độ và báo cáo cuối cùng của dự án;

- Kiểm soát tất cả các nội dung về phân bổ nguồn lực cho dự án và thông qua các thủ tục về quản lý dự án;

- Thông qua những thay đổi trong kế hoạch hoạt động của dự án do BQLDA trình bày và quyết định đối với việc lên kế hoạch triển khai các hoạt động của dự án;

- Thông qua những điều chỉnh về thời hạn thực hiện của dự án với điều kiện là những sửa đổi đó không làm thay đổi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án cũng như không nằm ngoài ngân sách của dự án;

- Quyết định về việc điều chỉnh các Kết quả trung gian và Hoạt động do Ban quản lý dự án đề nghị với điều kiện là những sửa đổi đó không làm thay đổi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án cũng như không nằm ngoài ngân sách của dự án;

- Trình Chính phủ hai nước về những thay đổi của Kết quả trung gian và Hoạt động của dự án nếu những thay đổi này làm thay đổi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án và/hoặc nằm ngoài ngân sách chung của dự án;

- Quyết định về phạm vi và Đề cương tham chiếu cho các đoàn đánh giá của dự án, kiểm toán tài chính từ Bên ngoài cũng như thẩm định các đề xuất của họ;

Ban chỉ đạo dự án sẽ ban hành những quy định và quy tắc riêng của mình sao cho phù hợp với các điều khoản trong bản Hiệp định riêng, và sẽ ra các quyết định đã được nhất trí. Với vai trò quan trọng trong việc ra quyết định, Ban chỉ đạo dự án bao gồm những thành phần sau:

- Vụ trưởng Vụ Giáo dục trung học: Trưởng ban
- Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ GD&ĐT: Phó Trưởng ban
- Lãnh đạo Vụ tiểu học, Bộ GD&ĐT, thành viên
- Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ GD&ĐT, thành viên
- 14 giám đốc Sở GD&ĐT của các tỉnh, thành viên
- Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư: thành viên
- Đại diện Bộ Tài chính: thành viên
- Đại diện Bộ Ngoại giao: thành viên
- Văn phòng Chính phủ: thành viên
- Trưởng đại diện thường trú Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ (BTC) tại Hà Nội:
Đồng Trưởng ban
- Tham tán công sứ, Tổng Vụ Hợp tác Phát triển Bỉ (DGDC), Đại sứ quán Bỉ tại Hà Nội: thành viên

BQLDA sẽ đóng vai trò là thư ký cho Ban chỉ đạo dự án. Giám đốc dự án sẽ đề xuất lịch họp Ban chỉ đạo và trình bày báo cáo, kế hoạch hoạt động kèm theo ngân sách để Ban chỉ đạo thông qua. Báo cáo tài chính sẽ cung cấp tổng quan chi tiết tình hình giải ngân của dự án từ tất cả các nguồn.

Do tầm quan trọng của lãnh đạo các trường SP cũng như các thành viên trong Hội đồng khoa học trong việc đảm bảo sự thành công của dự án, các thành phần trên có thể sẽ được triệu tập tới tham dự Hội nghị Ban chỉ đạo để hỗ trợ Ban chỉ đạo trong việc ra quyết định của mình. Họ sẽ đóng vai trò và quan sát viên và không phải là thành viên chính thức của Ban chỉ đạo dự án.

Ban chỉ đạo dự án sẽ họp ít nhất 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu của một trong các thành viên.

5.4. Ban quản lý dự án (BQLDA)

Điều phối chung các hoạt động của dự án là Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Bộ GD&ĐT. Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học sẽ tích cực giám sát xem các hoạt động của dự án có được triển khai một cách phù hợp hay không. Quan chức này cũng sẽ phối hợp với tất cả các cơ quan khác của Chính phủ về các vấn đề pháp lý có tác động tới dự án. Quan chức này chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của dự án phù hợp với các chính sách của Chính phủ Việt Nam.

BQLDA, dưới sự quản lý của 1 Giám đốc dự án người Việt Nam và 1 Cố vấn trưởng người nước ngoài. BQLDA sẽ được 12 nhân viên dự án tại Hà Nội và 28 nhân viên dự án tại các trường SP hỗ trợ.

BQLDA chịu trách nhiệm điều phối và quản lý hàng ngày toàn bộ dự án. BQLDA chịu trách nhiệm như sau:

- Điều phối kế hoạch tổng thể các hoạt động của dự án;
- Tổ chức, điều phối và giám sát việc thực hiện các hoạt động của dự án;
- Hướng dẫn về mặt kỹ thuật và khoa học đối với phương pháp và chiến lược của dự án;
- Hướng dẫn và hỗ trợ các Văn phòng dự án tỉnh thực hiện dự án hàng ngày khi cần thiết;
- Quản lý tài chính, kế toán và làm báo cáo hàng tháng;
- Chuẩn bị báo cáo tiến độ 6 tháng một lần và kế hoạch hoạt động và ngân sách cho kỳ tiếp theo trình Ban chỉ đạo dự án phê duyệt;
- Làm các công tác thư ký (xây dựng chương trình nghị sự cho Ban chỉ đạo dự án, ghi biên bản các cuộc họp của Ban chỉ đạo dự án, phân phát tài liệu ...);
- Chuẩn bị báo cáo cuối cùng vào giai đoạn cuối của dự án;
- Điều phối và liên kết với các đối tác trong và ngoài nước;
- Tuyển dụng và quản lý các trợ lý kỹ thuật trong và ngoài nước;
- Thông báo với các tỉnh về các quyết định liên quan đến chính sách từ cấp TW.

5.5. Tài chính của dự án

Về tài chính, dự án gồm ba phần đóng góp, đó là phần đóng góp của phía Bỉ, quỹ đối ứng và đóng góp của Việt Nam.

Tất cả các nguồn tài chính của dự án sẽ được quản lý một cách rõ ràng và được báo cáo dựa trên sự đồng thuận giữa hai Bên. Các khoản chi tiêu của dự án phải được Ban chỉ đạo dự án thông qua dựa trên bản kế hoạch tài chính 6 tháng được BQLDA trình lên.

Đóng góp của phía Việt Nam

Chính phủ Việt Nam sẽ trả lương cho nhân sự Việt Nam có liên quan đến dự án, cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết và đóng góp vào chi phí vận hành và chi phí duy trì cơ sở hạ tầng và thiết bị của văn phòng. Phía Việt Nam cũng miễn thuế hải quan và tất cả các loại thuế khác cho hàng hóa, thiết bị và dịch vụ phục vụ cho các hoạt động của dự án.

Phần đóng góp của Bỉ

Việc sử dụng phần đóng góp của phía Bỉ được hướng dẫn một cách rõ ràng trong phần ngân sách dự án - phụ lục 3 của Hồ sơ Tài chính Kỹ thuật.

Ngoài phần ngân sách dành cho Cố vấn trưởng của dự án, các thiết bị, vật dụng được mua và các dịch vụ được sử dụng lấy từ nguồn đóng góp của phía Bỉ sẽ được quản lý theo Luật đấu thầu của Việt Nam.

Một tài khoản riêng của dự án sẽ được mở tại ngân hàng thương mại. Tài khoản này sẽ được BTC Brussels chuyển tiền về hàng quý dựa trên bảng dự trù ngân sách

nằm trong kế hoạch hoạt động đã được thông qua. Trưởng đại diện thường trú BTC và Cố vấn trưởng của dự án sẽ là người ký tài khoản này.

Dưới sự hướng dẫn và giám sát chung của BTC, BQLDA sẽ tiến hành đấu thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ theo đúng như quy định của Việt Nam. BQLDA sẽ nộp báo cáo tài chính hàng tháng theo mẫu chung của BTC. Tất cả các hợp đồng, hóa đơn, giấy biên nhận và các khoản chi trả phải được Cố vấn trưởng và Giám đốc dự án xác nhận bằng văn bản. Bất kỳ khoản chi nào vượt quá 12.500 Euro phải được Trưởng đại diện thường trú của BTC sơ bộ thông qua.

BTC sẽ đề cử một Cố vấn trưởng người nước ngoài làm việc dài hạn cho dự án với sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Ngân sách dành cho Cố vấn trưởng sẽ chỉ do BTC quản lý trực tiếp theo chính sách về nhân sự của BTC. Ngoài tiền lương, Cố vấn trưởng sẽ được cung cấp nhà, chi phí đi lại hàng năm cho tất cả các thành viên trong gia đình, chi phí học tập cho con cái tại nơi làm việc.

Chính phủ Bỉ cũng sẽ trả lương và trợ cấp cho một số cán bộ dự án người Việt Nam được đề cập trong văn bản này và chịu các chi phí tổ chức các chương trình đào tạo và các hoạt động tham quan học tập. Lương của nhân sự Việt Nam và chi phí đi lại sẽ theo định mức nêu trong Hướng dẫn về chi tiêu tài chính của EU đối với hợp tác phát triển tại Việt Nam.

Quỹ đối ứng

Phần quỹ đối ứng do Bộ Tài chính Việt Nam trực tiếp cấp.

Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ GD&ĐT sẽ quản lý phần giải ngân của quỹ đối ứng. Tất cả các hoạt động mua sắm lấy ngân sách từ quỹ đối ứng sẽ phải tuân thủ theo luật đấu thầu của Việt Nam.

Sáu tháng một lần, báo cáo tài chính của quỹ đối ứng phải được gửi lên Ban chỉ đạo dự án để thông qua. Mọi hóa đơn và chứng từ của các khoản chi đều được ký duyệt của Giám đốc dự án và Cố vấn trưởng người nước ngoài. Các báo cáo đã được Ban chỉ đạo dự án thông qua sẽ được chuyển tới Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính để thẩm định.

Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tài chính sẽ tiến hành duyệt quyết toán trước khi dự án kết thúc. Báo cáo chi tiết về các khoản chi tiêu từ quỹ đối ứng sẽ được đưa vào trong báo cáo cuối cùng.

5.6. Giám sát và đánh giá

Phần này sẽ đề cập tới việc giám sát và đánh giá ở cấp độ vĩ mô, liên quan tới các mục tiêu và kết quả được nêu trong khung logic.

Không nên nhầm lẫn quá trình này với việc giám sát và đánh giá diễn ra ở cấp vi mô của các hoạt động, như các hoạt động đào tạo vì nó chỉ giám sát và đánh giá các mục tiêu, kết quả và hoạt động của một chương trình đào tạo cụ thể.

09673600
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft *
www.LawSoft.com

5.6.1. Giám sát

BQLDA chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày về dự án.

Ban chỉ đạo dự án giám sát dự án thông qua các buổi họp diễn ra 6 tháng 1 lần.

BQLDA chuẩn bị và gửi kịp thời báo cáo tiến độ kỹ thuật và tài chính cũng như kế hoạch tới các Bên liên quan.

5.6.2. Đánh giá

Đánh giá giữa kỳ

Ban chỉ đạo dự án sẽ lên kế hoạch đánh giá giữa kỳ và tập trung vào những chỉ số sau:

- Tính phù hợp

Các câu hỏi sau sẽ được điều tra: cho tới nay, dự án có hữu ích không?; dự án có đóng vai trò thích hợp đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và THCS tại các tỉnh miền núi phía Bắc không?; các mục tiêu đưa ra trong hồ sơ tài chính kỹ thuật có còn thích hợp không?

- Ảnh hưởng và hiệu quả

Dự án đã đạt kết quả gì?, dự án có tác động gì tới các cấp hiệu trưởng, giảng viên, giáo viên các trường thực hành và học sinh của họ (đối với giáo viên được bồi dưỡng, giáo sinh, và học sinh các trường tiểu học và THCS)?, dự án có ảnh hưởng tới các đối tượng khác không?, các mục tiêu và kết quả được đề ra trong hồ sơ tài chính kỹ thuật đã được thực hiện và đóng góp vào việc đạt được mục tiêu đến đâu?, dự án có ảnh hưởng nào mà chưa được tính đến từ trước không?

- Hiệu suất

Dự án đã áp dụng cách tốt nhất để đạt được các kết quả chưa?, dự án được BQLDA và cấp tỉnh quản lý và thực hiện tốt và đầy đủ chưa?

- Tính bền vững

Các kết quả của dự án sẽ tiếp tục ảnh hưởng tích cực tới mức độ nào sau khi dự án kết thúc? Cần phải làm gì để đạt được tính bền vững?

Làm thế nào để giải quyết với những rủi ro và giả định? Vụ đầu mối của dự án và sự thể chế hóa của nó là một trong những yếu tố đảm bảo có sự quan tâm thường xuyên tới tính bền vững của dự án.

BQLDA sẽ hỗ trợ đoàn đánh giá giữa kỳ. Đoàn gồm ít nhất 1 chuyên gia nước ngoài và 1 chuyên gia Việt Nam. Đoàn đánh giá sẽ thu thập thông tin cần thiết thông qua liên hệ trực tiếp với các đối tác dự án và đối tượng hưởng lợi, qua nghiên cứu các tài liệu của dự án, thu thập và phân tích sâu số liệu thông qua các bảng hỏi.

Đoàn đánh giá giữa kỳ sẽ báo cáo trực tiếp kết quả cho Ban chỉ đạo dự án. Đoàn đánh giá giữa kỳ sẽ đề ra các biện pháp nâng cao tính bền vững, hiệu quả, hiệu suất và ảnh hưởng của dự án.

Đánh giá cuối cùng

Đợt đánh giá này phải do chuyên gia Bên ngoài thực hiện ít nhất 3 tháng trước khi dự án kết thúc. Nó sẽ tổng hợp tiến độ của dự án và đánh giá mức độ đã đạt được của mục tiêu cụ thể. Nó sẽ tổng kết các bài học và đưa ra đề xuất nhằm cải thiện về mặt phương pháp và chiến lược cho tương lai.

Thành phần đoàn đánh giá cuối cùng khác với đoàn đánh giá giữa kỳ.

5.7. Kiểm toán

Ban chỉ đạo dự án có thể yêu cầu kiểm toán do kiểm toán độc lập tiến hành vào bất kể thời gian nào. Tuy nhiên, ít nhất sẽ phải tiến hành việc kiểm toán vào nửa đầu năm thứ hai theo tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế. Mục đích của kiểm toán là có được thông tin khách quan, xem xét báo cáo tài chính có phản ánh đúng các khoản chi và chi phí không. Nó cũng giúp đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa ra các khuyến nghị để cải thiện tình hình dự án.

Kiểm toán viên sẽ được lựa chọn theo phương thức đấu thầu cạnh tranh. BTC và BQLDA sẽ chuẩn bị cho quá trình đấu thầu.

5.8. Kết thúc dự án

5.8.1. Báo cáo cuối cùng

Báo cáo cuối kỳ sẽ do BQLDA viết. Bản thảo báo cáo này sẽ được BQLDA nộp cho các cơ quan có thẩm quyền và đối tác sau khi kết thúc hoạt động đánh giá cuối cùng 1 tháng. Ngoài việc nêu bật những thành tựu đạt được của dự án, báo cáo này sẽ đưa ra phần đánh giá tác động trên diện rộng của các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tại các vùng thực hiện dự án.

5.8.2. Trách nhiệm kết thúc dự án của cả hai Bên

BQLDA có trách nhiệm đóng tài khoản của dự án khi dự án kết thúc, tất cả các trang thiết bị sẽ được chuyển giao cho phía Việt Nam. Cơ quan được chuyển giao thiết bị và tài liệu sau khi dự án kết thúc sẽ được quyết định trong cuộc họp của Ban chỉ đạo dự án cuối cùng.

6. Nguồn lực

6.1. Nhân lực

6.1.1. Ban quản lý dự án

Ban quản lý dự án

1 Cố vấn trưởng người nước ngoài do BTC cử và được Bộ GD&ĐT của Việt Nam chấp thuận (xem bản Đề cương tham chiếu trong phụ lục)

1 Giám đốc dự án người Việt Nam do Bộ GD&ĐT của Việt Nam cử và BTC chấp thuận (xem bản Đề cương tham chiếu trong phụ lục)

Nhân viên dự án (do dự án tuyển và quản lý)

2 cán bộ dự án

1 kế toán

1 nhân viên hành chính tổng hợp/hậu cần

1 nhân viên tài vụ/tài chính

1 trợ lý văn phòng/lễ tân

2 lái xe

1 trợ lý công nghệ thông tin

1 trợ lý truyền thanh - truyền hình

2 phiên/biên dịch

Nhân viên dự án tại các tỉnh hỗ trợ cho Ban quản lý dự án

14 trợ lý văn phòng làm việc cả ngày

14 kế toán làm việc nửa ngày

Giám đốc và Cố vấn trưởng dự án sẽ xây dựng đề cương tham chiếu cho mỗi nhân viên dự án và tiến hành việc tuyển chọn một cách khách quan theo đúng quá trình tuyển chọn đã được thống nhất giữa Bên. Các nhân viên này sẽ được ký hợp đồng trong một giai đoạn nhất định theo thời hạn của dự án. Các nhân viên này sẽ làm việc cả ngày và không phải là cán bộ nhà nước.

6.1.2. Tư vấn kỹ thuật quốc tế ngắn hạn

Ngoài các chuyên gia giám sát, đánh giá và kiểm toán, dự án sẽ cần các tư vấn kỹ thuật quốc tế ngắn hạn để hoàn thành công việc của dự án.

BQLDA chuẩn bị và ban hành đề cương tham chiếu cho tư vấn kỹ thuật quốc tế.

Mô tả dưới đây chỉ là hướng dẫn và cho phép có những thay đổi linh hoạt theo hoàn cảnh cụ thể chứ không mang tính bắt buộc.

Kết quả 1: 4 chuyên gia x 10 ngày

- 1 chuyên gia phân tích nhu cầu và xây dựng chiến lược chung và khung tập huấn cho giảng viên cốt cán/đồng thời là cố vấn cho mạng lưới nguồn về phương pháp dạy học tích cực và đổi mới phương pháp dạy học sao cho phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của các vùng khó khăn nhất

- 1 chuyên gia hỗ trợ cho các chuyên gia và giảng viên cốt cán về phương pháp dạy học tích cực và hỗ trợ mạng lưới nguồn về phương pháp dạy học tích cực

- 1 chuyên gia hỗ trợ các chuyên gia và giảng viên cốt cán nhằm tăng cường công tác điều chỉnh việc dạy và học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể

- 1 chuyên gia đánh giá giữa kỳ công tác tập huấn và sau đó đề xuất những điều chỉnh/chỉnh sửa/biện pháp cải thiện đối với các chuyên gia và giảng viên cốt cán

Kết quả 2 + 3: 1 chuyên gia x 10 ngày

- 1 chuyên gia hỗ trợ công tác nghiên cứu và biên soạn điều chỉnh giáo trình phần mềm.

6.1.3. Tư vấn Việt Nam ngắn hạn

Ngoài các chuyên gia giám sát và đánh giá, dự án cần có hơn 70 cố vấn, chuyên gia, giảng viên cốt cán, trợ lý kỹ thuật... người Việt Nam. Họ sẽ được ban quản lý dự án lựa chọn theo tiêu chuẩn kỹ thuật theo khuôn khổ ngân sách dự án.

Mô tả dưới đây mang tính hướng dẫn cho phép có những thay đổi linh hoạt theo hoàn cảnh cụ thể chứ không mang tính bắt buộc. BQLDA có thể quyết định chọn chuyên gia theo một cách khác.

Kết quả 1: 40 chuyên gia x 12 tháng

Họ là chuyên gia về đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS đối với 18 môn học theo chương trình đào tạo giáo viên.

Trong số này, nên có ít nhất một số người chuyên về điều chỉnh dạy và học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của những học sinh gặp khó khăn, đặc biệt là ở những khu vực vùng núi xa xôi.

Kết quả 2: 14 chuyên gia x 12 tháng

Những chuyên gia này hỗ trợ phân tích nhu cầu; soạn/điều chỉnh giáo trình phần mềm, nội dung và tài liệu và hỗ trợ việc đưa vào sử dụng.

Kết quả 3: 14 chuyên gia x 12 tháng

Những chuyên gia này hỗ trợ việc nghiên cứu ứng dụng phù hợp và có chất lượng cao và những nghiên cứu này tập trung vào những vấn đề và giải pháp liên quan tới bình đẳng trong giáo dục tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Kết quả 4: 4 trợ lý x 6 tháng

Họ giúp

- a) Thiết kế trung tâm nguồn về phương pháp dạy học tích cực
- b) Tạo điều kiện/tăng cường sử dụng mạng lưới nguồn phương pháp dạy học tích cực
- c) Tập huấn cho những đối tượng sử dụng cách sử dụng trang thiết bị, nguồn lực và tài liệu dạy học

6.2. Cơ sở vật chất

Danh mục dưới đây chỉ là danh mục dự kiến và danh mục đầu tư cụ thể sẽ được trình lên Ban chỉ đạo dự án để thông qua.

Ngân sách trong phụ lục đã nêu chi tiết số tiền cho từng hạng mục.

6.2.1. Thiết bị tại văn phòng dự án đóng tại Hà Nội

Thiết bị văn phòng

• 13 máy tính cá nhân để bàn Intel Pentium 4, tốc độ tối thiểu 2,4 GigaHz, Ram tối thiểu 256, 40 GigaB HDD, màn hình 17 inch; cài Window XP Professional bao gồm UPS tối thiểu 500va và ổ CD.

• 1 máy tính xách tay Intel Pentium 4, tốc độ tối thiểu 2,4 GigaHz, Ram tối thiểu 256, bộ nhớ 40 GigaB, màn hình tinh thể lỏng 15 inch; cài Window XP Professional bao gồm UPS tối thiểu 500va và ổ CD

- 1 ổ ghi CD/DVD ngoài
- 1 modem 56K ngoài
- 2 máy in mạng có công suất cao (ví dụ: HP2300n)
- 3 máy in mạng lazer (ví dụ: HP1300n)
- 1 máy in màu (ví dụ: HP9300n)
- 1 máy quét (ví dụ: HP scanjet 3970cc)
- 1 mạng nội bộ với các máy chủ quản lý tệp, quản lý thư và in, các mạng, hộp chuyển 16 cổng, dây cáp nối và công lắp đặt

• 1 máy photô chạy được khổ A3, có bộ chia 10 bộ, có công suất ít nhất là 20 tờ A4/phút; tỷ lệ phóng to thu nhỏ 50 - 200%; hộp nạp giấy của trước; hộp đựng giấy chứa được 500 tờ; có chế độ nghỉ tạm thời để tiết kiệm điện (ví dụ: NP6130)

- 1 máy fax dùng giấy thường
- 1 máy đóng sách (ví dụ Lamirel)
- 1 máy chiếu qua đầu và màn hình
- 1 máy ép plastic
- Điện thoại
- Điện thoại di động
- Tổng đài điện thoại

Đồ nội thất

- Bàn làm việc
- Bàn họp
- Ghế
- Tủ hồ sơ, tủ sách, tủ chứa, ...

Phương tiện đi lại

- 1 xe ô tô 15 chỗ, xăng và bảo dưỡng
- 1 xe ô tô 2 cầu 7 chỗ, xăng và bảo dưỡng

6.2.2. Thiết bị tại 14 Sở GD&ĐT các tỉnh

Thiết bị văn phòng tại văn phòng Sở GD&ĐT các tỉnh

• 1 máy tính cá nhân để bàn Intel Pentium 4, tốc độ tối thiểu 2,4 GigaHz, Ram tối thiểu 256, 40 GigaB HDD, màn hình 17 inch; cài Window XP Professional bao gồm UPS tối thiểu 500va, ổ CD và modem fax trong.

- 1 máy in laze (ví dụ HP1300)
- 1 máy photô đơn giản (ví dụ Toshiba 2030)
- 1 máy fax dùng giấy thường

6.2.3. Thiết bị tại 14 văn phòng dự án đóng tại các tỉnh

Thiết bị văn phòng tại văn phòng đóng tại các tỉnh

• 2 máy tính cá nhân để bàn Intel Pentium 4, tốc độ tối thiểu 2,4 GigaHz, Ram tối thiểu 256, 40 GigaB HDD, màn hình 17 inch; cài Window XP Professional bao gồm UPS tối thiểu 500va, ổ CD và modem trong

- 1 máy in laze (ví dụ HP1300)
- 1 máy photô đơn giản (ví dụ Toshiba 2030)
- 1 máy fax dùng giấy thường
- 1 máy đóng sách (ví dụ Lamirel)
- 1 máy chiếu qua đầu và màn hình
- 1 máy ép plastic
- 1 bộ điện thoại

Đồ nội thất

- Bàn làm việc
- Bàn họp
- Ghế
- Tủ hồ sơ, tủ sách, tủ chứa, ...

6.2.4. Trung tâm nguồn / biên soạn tài liệu tại Hà Nội và các trường SP cấp tỉnh

Truyền thanh - truyền hình

Văn phòng dự án tại Hà Nội có một phòng truyền thanh - truyền hình bán chuyên nghiệp, văn phòng đóng tại các tỉnh có một bộ thiết bị truyền thanh - truyền hình nhỏ nhất cho phép ghi băng hình, chạy và sao băng ghi lại các tiết học vì mục đích sư phạm.

Trong khi triển khai BQLDA sẽ điều tra rõ thực tế (Dự án hỗ trợ Bộ GD&ĐT có thể đã cung cấp thiết bị kỹ thuật hữu ích), danh sách dưới đây có thể là một hướng dẫn cho phòng truyền thanh - truyền hình bán chuyên nghiệp của văn phòng dự án tại Hà Nội:

- Máy quay phim kỹ thuật số (ví dụ Sony P-3CCD-DV-Cam)
- Bàn dựng tiếng
- Bộ trộn âm
- Máy tính cá nhân với bộ nhớ lớn (500 - 750 Gb), 1 cạc hình có chất lượng cao và một bộ chương trình phần mềm chất lượng cao
- 2 - 3 màn hình
- UPS
- Ổ ghi và đọc DVD hoặc CD

Công nghệ thông tin

• 2 máy tính cá nhân để bàn Intel Pentium 4, tốc độ tối thiểu 2,4 GigaHz, Ram tối thiểu 256, 40 GigaB HDD, màn hình 17 inch; cài Window XP Professional bao gồm UPS tối thiểu 500va, ổ CD và modem trong

- 1 máy in laze (ví dụ HP1300)

Đồ nội thất

Tùy nhu cầu thực tế

Thiết bị và tài liệu dạy học

Tùy nhu cầu thực tế

6.3. Nguồn tài chính

Tổng ngân sách gồm 3 phần:

Phần đóng góp của Bỉ: 4.000.000 Euro

Quỹ đối ứng: 840.000 Euro

Phần đóng góp của Việt Nam: 360.000 Euro

Tổng 5.200.000 Euro

Chi tiết về ngân sách có thể được tìm thấy trong phụ lục.

7. Khung lô gíc

Mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc.			
Mục tiêu cụ thể:	Các chỉ số của mục tiêu cụ thể	Cách thẩm định	Rủi ro và giả định
Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc.	Năng lực sư phạm của giảng viên đào tạo giáo viên tiểu học và THCS, giáo viên các trường tiểu học và THCS (cụ thể là giáo viên các trường thực hành và giáo viên tốt nghiệp từ các trường SP) đã được nâng cao hơn so với khi dự án bắt đầu	Một đánh giá so sánh (dựa trên quan sát) khi bắt đầu và kết thúc dự án. Báo cáo đánh giá do các chuyên gia sư phạm thực hiện dựa trên quan sát các tiết học thực tế và/hoặc trên băng video trong quá trình thực hiện dự án. Điều tra và báo cáo đánh giá các hoạt động của giảng viên, giáo viên và giáo sinh khi dự án bắt đầu và kết thúc.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công cuộc đổi mới giáo dục được thực hiện toàn diện ▪ Có sự hợp tác, thống nhất và hỗ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả. ▪ Dự án có đầu mối là một Vụ phù hợp nhất của Bộ GD&ĐT. ▪ Việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa tiểu học và THCS mới được tiến hành thuận lợi. ▪ Các Bên liên quan của dự án nhận và có cách phản hồi tích cực và cởi mở đối với tất cả hoạt động của dự án. ▪ Có đủ số lượng giảng viên có kinh nghiệm, có trình độ và có động lực học tập.
Kết quả	Chỉ số của kết quả	Cách thẩm định	Rủi ro và giả định
Kết quả 1: Các giảng viên SP và	Phương pháp dạy học tích cực được các giảng viên	Một đánh giá so sánh (dựa trên quan sát và đánh giá) khi bắt	▪ Tất cả giảng viên, giáo viên và học sinh của các tỉnh mục

Kết quả	Chỉ số của kết quả	Cách thẩm định	Rủi ro và giả định
giáo viên các trường thực hành ứng dụng phương pháp dạy và học tích cực trong hoạt động dạy học hàng ngày của họ phù hợp với chương trình và sách giáo khoa mới và phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể	đào tạo giáo viên tiểu học và THCS, giáo viên các trường thực hành áp dụng thường xuyên hơn và phù hợp với điều kiện địa phương hơn so với trước khi dự án được thực hiện	<p>đầu và kết thúc dự án. So sánh này dựa trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Báo cáo đánh giá của các chuyên gia phương pháp dạy học tích cực dựa trên quan sát các tiết học thực tế và/hoặc trên băng video khi dự án bắt đầu và kết thúc ➤ Điều tra và báo cáo đánh giá (bao gồm cả tự đánh giá) hoạt động về phương pháp dạy và học tích cực của giảng viên và giáo viên. 	<p>tiêu phải áp dụng chương trình và sách giáo khoa mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhóm đối tượng hưởng lợi có thể và được khuyến khích thay đổi phương pháp dạy học.
Kết quả 2: Chương trình phần mềm dành cho địa phương trong chương trình đào tạo giáo viên được biên soạn phù hợp với đặc điểm của địa phương.	Giáo trình và tài liệu được biên soạn/điều chỉnh nhờ hỗ trợ của dự án được sử dụng và được đánh giá cao nhờ tính phù hợp và hữu ích.	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Danh mục các giáo trình và nội dung/tài liệu được biên soạn/điều chỉnh và đang được sử dụng ➤ Được Sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường SP, những người sử dụng và đối tượng hưởng lợi đánh giá cao.. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mới/được biên soạn và giáo trình được các cơ quan hữu quan thông qua.
Kết quả 3: Giảng viên được hỗ trợ trong các hoạt	Các nghiên cứu do các giảng viên tiến hành được đánh giá tích cực (là các	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Báo cáo tổng quát và đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu khoa học do dự án cử tới 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quy định và tiêu chí đánh giá nghiên cứu do các giảng viên thực hiện là các nghiên cứu ứng

Kết quả	Chỉ số của kết quả	Cách thẩm định	Rủi ro và giả định
<p>động nghiên cứu ứng dụng phù hợp và có tính ứng dụng, có chất lượng tốt về phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động nhằm tăng cường tính công bằng cho học sinh dân tộc thiểu số</p>	<p>nghiên cứu ứng dụng, có chất lượng tốt hơn và phù hợp hơn so với trước khi dự án bắt đầu).</p>	<p>được so sánh với báo cáo đánh giá chung công tác nghiên cứu khoa học trước khi dự án bắt đầu.</p>	<p>dụng và sự bình đẳng trong giáo dục đối với các vùng khó.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giảng viên được khuyến khích tham gia đầy đủ vào các nghiên cứu
<p>Kết quả 4: Các trường SP và trường thực hành được cung cấp thiết bị, nguồn lực và tài liệu nhằm hỗ trợ có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực và các kết quả 1, 2 và 3.</p>	<p>Các giảng viên SP và giáo viên các trường thực hành là đối tượng hưởng lợi có thể tiếp cận và sử dụng nhiều hơn và hiệu quả hơn các thiết bị, nguồn lực và tài liệu trước khi dự án bắt đầu.</p>	<p>► Được thẩm định qua: điều tra và báo cáo tần suất sử dụng và ứng dụng do lãnh đạo và những người sử dụng cung cấp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng tài chính và kỹ thuật để có thể sử dụng Internet và thư điện tử ở các tỉnh của dự án. <p>Việc bảo dưỡng thiết bị, các nguồn lực và tài liệu do dự án và/hoặc các đối tác khác cung cấp phải khả thi và lâu dài.</p>

8. Phụ lục

8.1. Phụ lục 1: Đề cương tham chiếu chọn Giám đốc dự án người Việt Nam và Cố vấn trưởng người nước ngoài

Giám đốc dự án người Việt Nam (Chuyên gia về đào tạo bồi dưỡng giáo viên)

Giám đốc dự án người Việt Nam sẽ điều phối việc thực hiện các hoạt động với sự hợp tác chặt chẽ với của cố vấn trưởng dự án người nước ngoài.

Nhiệm vụ chính

- Liên lạc và tiếp xúc với lãnh đạo cấp quốc gia và tỉnh, các tổ chức, các đối tượng hưởng lợi và các Bên liên quan;
- Chịu trách nhiệm điều phối, quản lý chung, quản lý hành chính, lập kế hoạch, quản lý tài chính, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động của dự án cùng với trưởng ban quản lý người nước ngoài theo quy định chung;
- Đảm bảo giải ngân đúng hạn và chi đúng phần đóng góp của các Bên trong dự án theo kế hoạch và quy định;
- Phối hợp chặt chẽ với Cố vấn trưởng người nước ngoài và thông báo cho Cố vấn trưởng người nước ngoài bất kỳ quyết định nào của lãnh đạo cấp trên của Việt Nam có liên quan đến dự án;
- Chuẩn bị báo cáo thường kỳ, chương trình và biên bản của các cuộc họp của Ban chỉ đạo dự án;
- Giao nhiệm vụ cho/giám sát nhân lực người Việt Nam;
- Báo cáo các hoạt động của dự án cho các Bên liên quan.

Tiêu chuẩn chọn Giám đốc dự án người Việt Nam

- Chuyên gia của Bộ GD&ĐT có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc với cơ quan hợp tác quốc tế;
- Có kinh nghiệm thích hợp về quản lý dự án (lập kế hoạch, các hoạt động, tài chính, quản lý hành chính,...)
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS;
- Hiểu biết và có kinh nghiệm về đổi mới giáo dục (chương trình, sách giáo khoa, phương pháp) đối với cấp tiểu học và THCS;
- Hiểu biết và có kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến giáo dục và giáo viên các vùng khó và vùng núi;
- Hiểu biết các vấn đề về dân tộc thiểu số;
- Có kỹ năng giao tiếp đa văn hóa tốt;
- Có khả năng sử dụng máy tính và tiếng Anh;

- Biết và có kinh nghiệm về Dự án Việt Bỉ đào tạo giáo viên các trường SP 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam là một yếu tố quan trọng.

Cố vấn trưởng dự án người nước ngoài
(Chuyên gia về quản lý dự án/đào tạo bồi dưỡng giáo viên)

Cố vấn trưởng dự án người nước ngoài sẽ điều phối việc thực hiện các hoạt động với sự hợp tác chặt chẽ với Giám đốc dự án người Việt Nam. Cố vấn trưởng dự án người nước ngoài làm việc dài hạn cho dự án.

Nhiệm vụ chính

- Liên lạc và tiếp xúc với các cơ quan có thẩm quyền của Bỉ, các tổ chức quốc tế, và các Bên liên quan;
- Hỗ trợ điều phối, quản lý chung, quản lý hành chính, lập kế hoạch, quản lý tài chính, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động của dự án cùng với trưởng ban quản lý người Việt Nam theo quy định;
- Đảm bảo giải ngân đúng hạn và chi đúng phần đóng góp của Bỉ theo kế hoạch và quy định;
- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc dự án người Việt Nam và thông báo cho Giám đốc dự án người Việt Nam bất kỳ quyết định nào của lãnh đạo cấp trên của Bỉ có liên quan đến dự án;
- Chuẩn bị báo cáo thường kỳ, chương trình và biên bản của các cuộc họp của Ban chỉ đạo dự án;
- Giao nhiệm vụ cho/giám sát nhân lực người nước ngoài;
- Báo cáo các hoạt động của dự án cho các Bên liên quan;
- Hỗ trợ kỹ thuật.

Tiêu chuẩn chọn Cố vấn trưởng dự án người nước ngoài

- Có bằng cấp thích hợp về Khoa học xã hội và giáo dục
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc với cơ quan hợp tác quốc tế tại một nước đang phát triển;
- Có ít nhất 3 năm kinh nghiệm thích hợp về quản lý dự án (lập kế hoạch, các hoạt động, tài chính, quản lý hành chính,...) trong lĩnh vực xã hội - giáo dục;
- Có kinh nghiệm về đào tạo và hiểu biết/kinh nghiệm về ít nhất một trong số các lĩnh vực sau: đổi mới giáo dục, nghiên cứu xã hội - giáo dục, phát triển chương trình;
- Hiểu biết các vấn đề về dân tộc thiểu số;
- Có kỹ năng giao tiếp đa văn hóa tốt;
- Có khả năng sử dụng máy tính và tiếng Anh tốt;
- Có kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam là một thế mạnh;
- Biết và có kinh nghiệm về Dự án Việt Bỉ đào tạo giáo viên các trường SP 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam là một yếu tố quan trọng.

8.2. Phụ lục 2: Lịch thực hiện/kế hoạch theo kết quả

Tên dự án: Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc																			
Mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các tỉnh miền núi phía Bắc																			
Mục tiêu cụ thể: Nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học và THCS tại các tỉnh miền núi phía Bắc																			
Kết quả 1: Các giảng viên SP và giáo viên các trường thực hành ứng dụng phương pháp dạy và học tích cực trong hoạt động dạy học hàng ngày của họ phù hợp với chương trình và sách giáo khoa mới và phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể																			
Thời gian thực hiện: 4,5 năm		Thời gian thực hiện (theo quý)																	
Hoạt động		Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8	Q9	Q10	Q11	Q12	Q13	Q14	Q15	Q16	Q17	Q18
1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo về phương pháp dạy học tích cực																			
2. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực tại từng tỉnh																			
3. Thiết kế khung kế hoạch tổng thể về áp dụng dạy và học tích cực vào thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới phù hợp với chiến lược																			
4. Xây dựng và phát triển các trung tâm tự học về phương pháp dạy học tích cực, mạng lưới học tập và hoạt động liên kết																			
5. Thực hiện, giám sát và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi cốt cán (giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo)																			

Hoạt động	Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8	Q9	Q10	Q11	Q12	Q13	Q14	Q15	Q16	Q17	Q18
6. Thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi thứ hai (giảng viên và giáo viên trường thực hành)																		
7. Chuẩn bị, thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá các chuyến tham quan học tập																		
8. Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả 1																		
9. Khuyến khích các hoạt động hợp tác (hợp tư vấn/phối hợp; trao đổi/nhân rộng và công bố kết quả, rút ra các bài học,...)																		

Kết quả 2: Chương trình phần mềm dành cho địa phương trong chương trình đào tạo giáo viên được biên soạn phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Kế hoạch thực hiện: 4,5 năm	Thời gian thực hiện																	
	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Q 5	Q 6	Q 7	Q 8	Q 9	Q 10	Q 11	Q 12	Q 13	Q 14	Q 15	Q 16	Q 17	Q 18
1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về biên soạn giáo trình																		
2. Khảo sát cơ bản về phần mềm trong chương trình đào tạo giáo viên (bao gồm nhu cầu, nội dung chương trình cần biên soạn, năng lực đội ngũ tác giả biên soạn)																		
3. Xây dựng khung hoạt động đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với chiến lược																		
4. Xây dựng năng lực của các đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi cốt cán đã qua lựa chọn) nhằm phân tích nhu cầu địa phương và xây dựng đề cương																		
5. Hỗ trợ phân tích yêu cầu địa phương và lập đề cương																		
6. Đánh giá, thiết kế và lựa chọn các đề cương theo các tiêu chí phù hợp và khả thi																		
7. Hỗ trợ thực hiện đề cương (ví dụ: hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ biên soạn và phát hành tài liệu, hiệu đính...)																		
8. Phát triển, giám sát và đánh giá việc thí điểm và đưa vào ứng dụng chương trình đào tạo giáo viên																		
9. Cung cấp thông tin về các giáo trình có hiệu quả nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận																		

Kết quả 3: Giảng viên được hỗ trợ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp và có tính ứng dụng, có chất lượng tốt về phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động nhằm tăng cường tính công bằng cho học sinh dân tộc thiểu số.

Thời gian thực hiện: 4.5 năm	Thời gian thực hiện																	
Hoạt động	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Q 5	Q 6	Q 7	Q 8	Q 9	Q 10	Q 11	Q 12	Q 13	Q 14	Q 15	Q 16	Q 17	Q 18
1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiên cứu ứng dụng				■														
2. Khảo sát cơ bản (các chủ trương và tình hình thực tế, tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng)				■														
3. Thiết kế khung các hoạt động về nghiên cứu ứng dụng phù hợp với chiến lược				■	■													
4. Xây dựng năng lực cho những đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi chủ chốt đã qua lựa chọn) nhằm phát triển và đánh giá các nghiên cứu có chất lượng và tính ứng dụng cao						■												
5. Nhận, đánh giá và chọn lựa các đề cương nghiên cứu theo tiêu chí bao gồm tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng và chủ đề								■	■									
6. Hỗ trợ, giám sát và đánh giá các đề tài nghiên cứu ứng dụng									■	■	■							
7. Cung cấp thông tin về kết quả những nghiên cứu tốt nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận													■	■				
8. Phát triển các hoạt động chuyển giao năng lực nghiên cứu khoa học cho các giáo sinh																■	■	

Kết quả 4: Các trường SP và trường thực hành được hỗ trợ thiết bị, nguồn lực và tài liệu nhằm hỗ trợ có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực và các kết quả 1, 2 và 3

Thời gian thực hiện: 4,5 năm	Thời gian thực hiện																	
	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Q 5	Q 6	Q 7	Q 8	Q 9	Q 10	Q 11	Q 12	Q 13	Q 14	Q 15	Q 16	Q 17	Q 18
1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về sử dụng đồ dùng dạy học và tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên																		
2. Khảo sát cơ bản (thiết bị và tài liệu hiện có tại mỗi tỉnh; nhu cầu về thiết bị và tài liệu; nhu cầu đào tạo của giáo viên; nhu cầu bồi dưỡng của những người sử dụng)																		
3. Thiết kế trung tâm nguồn và lên danh sách sơ lược các nội dung phù hợp với chiến lược																		
4. Mua và lắp đặt trang thiết bị và tài liệu cho trường SP																		
5. Mua và lắp đặt trang thiết bị cho trường thực hành																		
6. Phát triển và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng các nhân viên phụ trách công tác bảo dưỡng, lưu kho, phân loại, cung cấp,...																		
7. Xây dựng và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng cho những người sử dụng																		
8. Xây dựng, phát triển và duy trì mạng lưới và trang web																		
9. Giám sát và đánh giá kết quả																		

8.3. Phụ lục 3: Ngân sách tổng thể (Euro)

	Đóng góp của Bỉ	Quỹ đối ứng	Đóng góp của Việt Nam
Khoản chi chung			
Hình thành dự án	51.362		
Nhân lực			
Cố vấn trưởng người nước ngoài	810.000		
GĐ dự án phía Việt Nam + Nhân viên Việt Nam + phụ cấp cho nhân viên các tỉnh	303.480		
Đầu tư	253.735	16.340	
Chi phí vận hành	43.091	274.545	360.000
Giám sát và đánh giá	40.000		
Đào tạo BQL tỉnh về Quản lý dự án và kế toán	15.000		
Chi phí dự phòng	60.083		
Tổng phụ các khoản chi chung	1.576.752	290.885	360.000
Các khoản chi cụ thể			
Kết quả 1: Hỗ trợ áp dụng phương pháp dạy học tích cực			
Hỗ trợ chuyên gia quốc tế và Việt Nam	218.000		
Đối tượng hưởng lợi chủ chốt tham gia tập huấn	762.048		
Đối tượng hưởng lợi thứ hai tham gia tập huấn		309.870	
Chi phí tổ chức khóa tập huấn		16.000	
Học bổng	125.000		
Họp	10.000		
Tài liệu tập huấn	300.000		
Kết quả 2: Biên soạn giáo trình			
Hỗ trợ chuyên gia quốc tế và Việt Nam	76.200		
Chi phí tổ chức khóa tập huấn	87.640		
Tài liệu tập huấn		42.000	
Kết quả 3: Nâng cao chất lượng NC ứng dụng của giảng viên			
Hỗ trợ chuyên gia quốc tế và Việt Nam	63.500		
Chi phí tổ chức khóa tập huấn	25.340		
Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng	140.000		
Tài liệu tập huấn		13.245	

	Đóng góp của Bỉ	Quỹ đối ứng	Đóng góp của Việt Nam
Kết quả 4: Hỗ trợ trang thiết bị, tài liệu			
Trợ lý Việt Nam	9.600		
Chi phí tổ chức khóa tập huấn	21.252		
Hỗ trợ trang thiết bị và tài liệu	469.000		
Tài liệu tập huấn		168.000	
Chi phí dự phòng	115.668		
Tổng phụ các khoản chi cụ thể	2.423.248	549.115	
Tổng cộng	4.000.000	840.000	360.000
Đóng góp: Bỉ + Quỹ đối ứng + Việt Nam			5.200.000

8.4. Phụ lục 4: Ngân sách chi tiết do Bỉ đóng góp

A. Ngân sách: Các khoản chi cụ thể (Kết quả + hoạt động)	Phần đóng góp của Bỉ
Kết quả 1: Các giảng viên SP và giáo viên các trường thực hành ứng dụng phương pháp dạy và học tích cực trong hoạt động dạy học hàng ngày của họ phù hợp với chương trình và sách giáo khoa mới và phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể	
1.1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo về phương pháp dạy học tích cực	- 52.000
1.2. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực tại từng tỉnh	10.000
1.3. Thiết kế khung kế hoạch tổng thể về áp dụng phương pháp dạy học tích cực vào thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới phù hợp với chiến lược	1.000
1.4. Xây dựng và phát triển các trung tâm tự học về phương pháp dạy học tích cực, mạng lưới học tập và hoạt động liên kết	450.000
1.5. Thực hiện, giám sát và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi cốt cán (giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo)	362.048

A. Ngân sách: Các khoản chi cụ thể (Kết quả + hoạt động)	Phần đóng góp của Bỉ
1.6. Thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho các đối tượng hưởng lợi thứ hai (giảng viên và giáo viên trường thực hành)	399.000
1.7. Chuẩn bị, thực hiện, giám sát, theo dõi và đánh giá các chuyến tham quan học tập	125.000
1.8. Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả 1	6.000
1.9. Khuyến khích các hoạt động hợp tác (hợp tư vấn/phối hợp; trao đổi/nhân rộng và công bố kết quả, rút ra các bài học,...)	10.000
Tổng phụ kết quả 1	1.415.048
Kết quả 2: Chương trình phần mềm dành cho địa phương trong chương trình đào tạo giáo viên được biên soạn phù hợp với đặc điểm của địa phương.	
2.1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về biên soạn giáo trình	7.500
2.2. Khảo sát cơ bản về phần mềm chương trình (bao gồm một cuộc điều tra các quy định chính thức, các hoạt động đang diễn ra trong tỉnh, nhu cầu bồi dưỡng của hội đồng khoa học liên quan đến chương trình phần mềm)	1.500
2.3. Xây dựng khung hoạt động đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với chiến lược	1.000
2.4. Xây dựng năng lực của các đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi cốt cán đã qua lựa chọn) nhằm phân tích nhu cầu địa phương và xây dựng đề cương	87.640
2.5. Hỗ trợ phân tích yêu cầu địa phương và lập đề cương	9.200
2.6. Đánh giá, thiết kế và lựa chọn các đề cương theo các tiêu chí phù hợp và khả thi	8.300
2.7. Hỗ trợ thực hiện đề cương (ví dụ: hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ biên soạn và phát hành tài liệu, hiệu đính...)	2.200
2.8. Phát triển, giám sát và đánh giá việc thí điểm và đưa vào ứng dụng chương trình đào tạo giáo viên	45.000
2.9. Cung cấp thông tin về các hoạt động có hiệu quả nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận	1.500
Tổng phụ kết quả 2	163.840

09673600

A. Ngân sách: Các khoản chi cụ thể (Kết quả + hoạt động)	Phân đóng góp của Bỉ
Kết quả 3: Giảng viên được hỗ trợ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp và có tính ứng dụng, có chất lượng tốt về phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động nhằm tăng cường tính công bằng cho học sinh dân tộc thiểu số.	
3.1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiên cứu ứng dụng	7.500
3.2. Khảo sát cơ bản (các chủ trương và tình hình thực tế, tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng)	1.500
3.3. Thiết kế khung các hoạt động về nghiên cứu ứng dụng phù hợp với chiến lược	1.000
3.4. Xây dựng năng lực cho những đối tượng hưởng lợi cốt cán (hội đồng khoa học và một số giảng viên thuộc nhóm hưởng lợi chủ chốt đã qua lựa chọn) nhằm phát triển và đánh giá các nghiên cứu có chất lượng và tính ứng dụng cao	25.340
3.5. Nhận, đánh giá và chọn lựa các đề cương nghiên cứu theo tiêu chí bao gồm tính tương thích, chất lượng, tính ứng dụng và chủ đề	1.200
3.6. Hỗ trợ, giám sát và đánh giá các đề tài nghiên cứu ứng dụng	1.000
3.7. Cung cấp thông tin về kết quả những nghiên cứu tốt nhất để các tỉnh trong và ngoài dự án có thể tiếp cận	140.000
3.8. Phát triển các hoạt động chuyển giao năng lực nghiên cứu khoa học cho các giáo viên	51.300
Tổng phụ kết quả 3	228.840
Kết quả 4: Các trường SP và trường thực hành được cung cấp thiết bị, nguồn lực và tài liệu nhằm hỗ trợ có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực và các kết quả 1, 2 và 3	
4.1. Chuẩn bị, xây dựng và tổ chức các khóa bồi dưỡng về sử dụng đồ dùng dạy học và tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên	9.600
4.2. Khảo sát cơ bản (thiết bị và tài liệu hiện có tại mỗi tỉnh; nhu cầu về thiết bị và tài liệu; nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên; nhu cầu bồi dưỡng của những người sử dụng)	1.500
4.3. Thiết kế trung tâm nguồn và lên danh sách sơ lược các nội dung phù hợp với chiến lược (xem kết quả 3.4.4)	1.200
4.4. Mua và lắp đặt trang thiết bị và tài liệu cho trường SP	417.800
4.5. Mua và lắp đặt trang thiết bị cho trường thực hành	35.000

A. Ngân sách: Các khoản chi cụ thể (Kết quả + hoạt động)	Phần đóng góp của Bỉ
4.6. Phát triển và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng các nhân viên phụ trách công tác sử dụng, bồi dưỡng, lưu kho, phân loại, cung cấp,...	21.252
4.7. Xây dựng và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng cho những người sử dụng	10.000
4.8. Xây dựng, phát triển và duy trì mạng lưới và trang web	1500
4.9. Giám sát và đánh giá kết quả	2000
Tổng phụ kết quả 4	499.852
Chi phí dự phòng	115.668
A. Tổng phụ các khoản chi cụ thể (Kết quả + hoạt động)	2.423.248
B. Ngân sách: Khoản chi chung	
Nhân lực	1.164.842
Các khoản đầu tư	253.735
Tổng phụ chi phí vận hành	43.091
Tổng phụ giám sát và đánh giá	40.000
Các khoản chi khác	75.083
B. Tổng phụ các khoản chi chung	1.576.752
C. Ngân sách chung (các khoản chi chung và riêng)	4.000.000